



Chuyên đề CMS | HKI – [2020 – 2021]

PRJ – REPORT

QUẢN TRỊ WORDPRESS

Nhóm G:

- **Trần Bình Văn – 17211TT0053**
- **Đặng Thanh Truyền – 17211TT0356**
- **Lê Văn Thắng – 17211TT0480**
- **Nguyễn Thanh Tuấn - 17211TT3056**
- **Hồ Văn Quyên - 17211TT4136**

BẢNG PHÂN CÔNG TRONG NHÓM

| MSSV | Họ & Tên | Công việc | Hoàn thành | Đánh giá |
|--------------------|-------------------|--|------------|---------------------------------------|
| 17211TT0053 | Trần Bình Văn | - Quản trị phần Settings - Tích hợp báo cáo - Bổ sung nội dung chưa hoàn thành | 100% | Nội dung đầy đủ, có hình ảnh minh họa |
| 17211TT0356 | Đặng Thanh Truyền | - Quản trị phần Plugins, Users, Tools | 100% | Có hình ảnh minh họa, nội dung |
| 17211TT0480 | Lê Văn Thắng | - Quản trị phần Posts, Media, Pages, Comments | 100% | Nội dung đầy đủ, có hình ảnh minh họa |
| 17211TT3056 | Nguyễn Thanh Tuấn | - Quản trị phần Appearance | 100% | Nội dung đầy đủ, có hình ảnh minh họa |
| 17211TT4136 | Hồ Văn Quyền | - Hướng dẫn cài đặt môi trường | 100% | Nội dung đầy đủ, có hình ảnh minh họa |

MỤC LỤC

| | |
|---|----|
| Hướng dẫn cài đặt môi trường WordPress, Database & Wampserver | 6 |
| Quản trị phần Posts (Bài viết) | 14 |
| Quản trị phần Media (Phương tiện)..... | 20 |
| Quản trị phần Pages (Trang)..... | 23 |
| Quản trị phần Comments (Bình luận) | 27 |
| Quản trị phần Appearance (Giao diện)..... | 29 |
| a) Themes | 29 |
| b) Customise..... | 30 |
| c) Widgets | 35 |
| d) Menus:..... | 36 |
| e) Theme editor: | 36 |
| Quản trị phần Plugins | 37 |
| Quản trị phần Users (Người dùng) | 39 |
| Quản trị phần Tools (Công cụ)..... | 41 |
| Quản trị phần Settings (Cài đặt) | 45 |
| a) Settings -> General | 45 |
| b) Settings -> Writing..... | 47 |
| c) Settings -> Reading..... | 48 |
| d) Settings -> Discussion | 49 |
| e) Settings -> Media..... | 52 |
| f) Settings -> Permalinks | 53 |
| g) Settings -> Privacy..... | 54 |

DANH MỤC HÌNH ẢNH

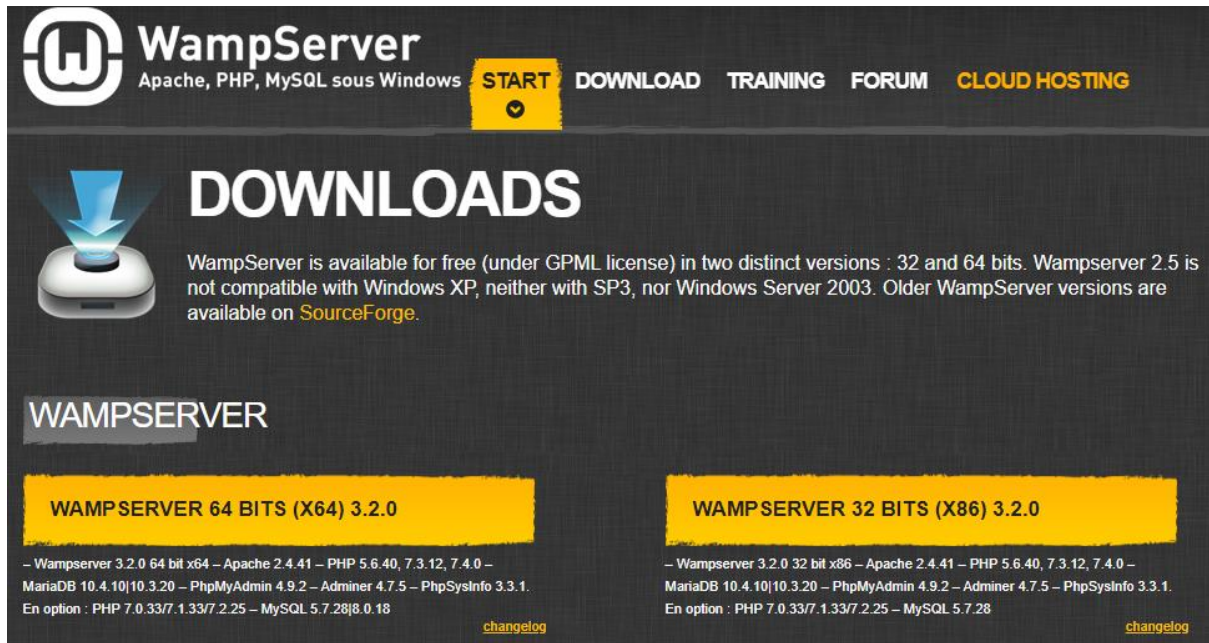
| | |
|---|----|
| Hình 1. Trang web download Wampserver | 6 |
| Hình 2. Cài đặt, chọn trình duyệt mặc định cho Wampserver | 6 |
| Hình 3. Khởi chạy Wampserver cho tới khi icon có màu xanh là connect thành công vào localhost | 7 |
| Hình 4. Trang web download WordPress | 7 |
| Hình 5. Cấu trúc folder WordPress | 8 |
| Hình 6. Đăng nhập vào trang phpMyAdmin bằng tài khoản root | 8 |
| Hình 7. Tạo database CMS trong phpMyAdmin | 9 |
| Hình 8. Bắt đầu cài đặt WordPress | 9 |
| Hình 9. Điền thông tin đã tạo ở bên phpMyAdmin | 10 |
| Hình 10. Tiếp tục điền thông tin đăng nhập người dùng admin | 11 |
| Hình 11. Nhận thông báo thành công | 12 |
| Hình 12. Tiến hành đăng nhập vào trang quản trị..... | 12 |
| Hình 13. Giao diện vào trang quản trị thành công..... | 13 |
| Hình 14. Giao diện trang chủ website..... | 13 |
| Hình 15. Các mục của “Posts” | 14 |
| Hình 16. All Posts | 14 |
| Hình 17. Trang “Add New” của “Posts”. | 15 |
| Hình 18. Tiến hành nhập thông tin cho Posts. | 15 |
| Hình 19. Thêm Post mới thành công | 15 |
| Hình 20. Thêm mới categories..... | 16 |
| Hình 21. Thêm Category..... | 16 |
| Hình 22. Tiến hành edit hoặc delete category..... | 17 |
| Hình 23. Tiến hành Edit category | 17 |
| Hình 24. Update thành công | 17 |
| Hình 25. Thông báo xóa category..... | 18 |
| Hình 26. Xóa Category thành công..... | 18 |
| Hình 27. Trang thêm tags mới | 18 |
| Hình 28. Nhập các thông tin của tag..... | 19 |
| Hình 29. Thêm tag thành công..... | 19 |
| Hình 30. Sau khi click vào media | 20 |
| Hình 31. Các media hiện có..... | 20 |
| Hình 32. Thông tin chi tiết của media..... | 21 |
| Hình 33. Sửa hoặc xóa Media..... | 21 |
| Hình 34. Thêm media mới | 22 |
| Hình 35. Tiến hành tải media từ máy tính lên | 22 |
| Hình 36. Khi đưa chuột vào cửa “Pages” | 23 |
| Hình 37. “All Pages”..... | 23 |
| Hình 38. Cửa sổ chọn tính năng..... | 24 |
| Hình 39. Trang edit page. | 24 |
| Hình 40. Edit thành công page..... | 24 |
| Hình 41. Cửa sổ chọn tính năng..... | 24 |
| Hình 42. Page “Chuyên đề CMS1” đã được xóa” | 25 |
| Hình 43. Cửa sổ “Pages” | 25 |

| | |
|--|----|
| Hình 44. Trang “Add New” | 26 |
| Hình 45. Tiến hành nhập thông tin cho page | 26 |
| Hình 46. Đã thêm page thành công..... | 26 |
| Hình 47. Comment trên dashboard | 27 |
| Hình 48. Tất cả comments. | 27 |
| Hình 49. Tiến hành reply Comment. | 28 |
| Hình 50. Đưa comment vào mục spam..... | 28 |
| Hình 51. Xóa comment | 28 |
| Hình 52. Giao diện wordpress | 29 |
| Hình 53. Vị trí customise | 30 |
| Hình 54. Giao diện customize..... | 30 |
| Hình 55. Chi tiết Site Identity | 31 |
| Hình 56. Chi tiết phần colours | 32 |
| Hình 57. Chi tiết phần menu | 32 |
| Hình 58. Chỉnh các Widget ở Footer | 33 |
| Hình 59. Chi tiết Additional CSS | 34 |
| Hình 60. Vị trí Widgets..... | 35 |
| Hình 61. Chi tiết Widget..... | 35 |
| Hình 62. Chi tiết menu..... | 36 |
| Hình 63. Giao diện Theme Editor..... | 36 |
| Hình 64. Giao diện plugins | 37 |
| Hình 65. <i>Giao diện installed plugins</i> | 37 |
| Hình 66. <i>Giao diện add new</i> | 38 |
| Hình 67. <i>Tìm kiếm và install plugins</i> | 38 |
| Hình 68. Cài đặt plugins upload từ file trên máy tính | 38 |
| Hình 69. <i>Giao diện plugins editor</i> | 39 |
| Hình 70. Giao diện users..... | 39 |
| Hình 71. Giao diện add users..... | 40 |
| Hình 72. Giao diện your profile..... | 40 |
| Hình 73. Giao diện import tool | 41 |
| Hình 74. Giao diện export tools..... | 42 |
| Hình 75. Giao diện site health..... | 43 |
| Hình 76. Export personal data | 43 |
| Hình 77. Giao diện erase personal data | 44 |
| Hình 78. Giao diện trang cài đặt chung (General settings)..... | 45 |
| Hình 79. Các phân quyền, chức năng cho user mới | 46 |
| Hình 80. Giao diện phần thiết lập viết cho website | 47 |
| Hình 81. Lựa chọn mặc định bài viết..... | 47 |
| Hình 82. Giao diện phần thiết lập đọc | 48 |
| Hình 83. Giao diện phần thiết lập bình luận | 50 |
| Hình 84. Giao diện phần thiết lập media | 52 |
| Hình 85. Giao diện phần thiết lập liên kết tĩnh..... | 53 |
| Hình 86. Thiết lập bảo mật của WordPress | 54 |

Hướng dẫn cài đặt môi trường WordPress, Database & Wampserver

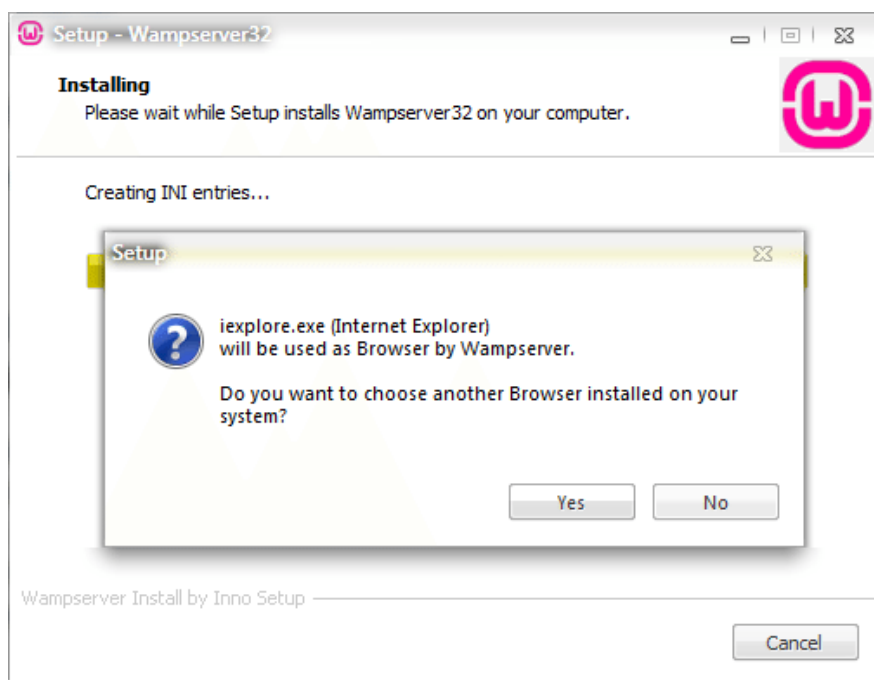
B1: Download Wampserver tại: wampserver.com/en/#download-wrapper

Chọn phiên bản phù hợp với Windows

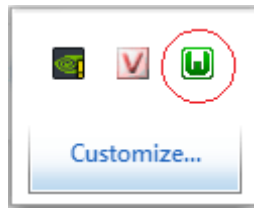


Hình 1. Trang web download Wampserver

B2: Cài đặt, chạy file và Next -> Next cho tới khi hoàn thành và khởi động



Hình 2. Cài đặt, chọn trình duyệt mặc định cho Wampserver



Hình 3. Khởi chạy Wampserver cho tới khi icon có màu xanh là connect thành công vào localhost

B3. Download và giải nén file WordPress: wordpress.org/download/



Hình 4. Trang web download WordPress


B4: Giải nén file Zip WordPress vào folder Wampserver theo đường dẫn:
C:\wamp\www

This PC > Windows 10 (C:) > wamp64 > www > wordpress

| Name | Date modified | Type | Size |
|----------------------|--------------------|-------------------|-------|
| wp-admin | 13/7/2020 5:00 PM | File folder | |
| wp-content | 30/10/2020 9:13 PM | File folder | |
| wp-includes | 13/7/2020 5:00 PM | File folder | |
| .htaccess | 25/10/2020 6:08 PM | HTACCESS File | 1 KB |
| index.php | 6/2/2020 1:33 PM | PHP Source File | 1 KB |
| license.txt | 12/2/2020 6:54 PM | Text Document | 20 KB |
| readme.html | 30/10/2020 7:54 PM | CocCoc HTML Do... | 8 KB |
| wp-activate.php | 6/2/2020 1:33 PM | PHP Source File | 7 KB |
| wp-blog-header.php | 6/2/2020 1:33 PM | PHP Source File | 1 KB |
| wp-comments-post.php | 3/6/2020 3:26 AM | PHP Source File | 3 KB |
| wp-config.php | 25/10/2020 6:06 PM | PHP Source File | 4 KB |
| wp-config-sample.php | 13/7/2020 5:00 PM | PHP Source File | 4 KB |
| wp-cron.php | 6/2/2020 1:33 PM | PHP Source File | 4 KB |
| wp-links-opml.php | 6/2/2020 1:33 PM | PHP Source File | 3 KB |
| wp-load.php | 6/2/2020 1:33 PM | PHP Source File | 4 KB |
| wp-login.php | 10/2/2020 10:50 AM | PHP Source File | 47 KB |
| wp-mail.php | 14/4/2020 6:34 PM | PHP Source File | 9 KB |
| wp-settings.php | 10/4/2020 10:59 AM | PHP Source File | 19 KB |
| wp-signup.php | 6/2/2020 1:33 PM | PHP Source File | 31 KB |
| wp-trackback.php | 6/2/2020 1:33 PM | PHP Source File | 5 KB |
| xmlrpc.php | 6/2/2020 1:33 PM | PHP Source File | 4 KB |

Hình 5. Cấu trúc folder WordPress

B5: Tạo database ở localhost/phpmyadmin



Chúc mừng bạn dùng phpMyAdmin

Ngôn ngữ - Language

Tiếng Việt - Vietnamese

Đăng nhập

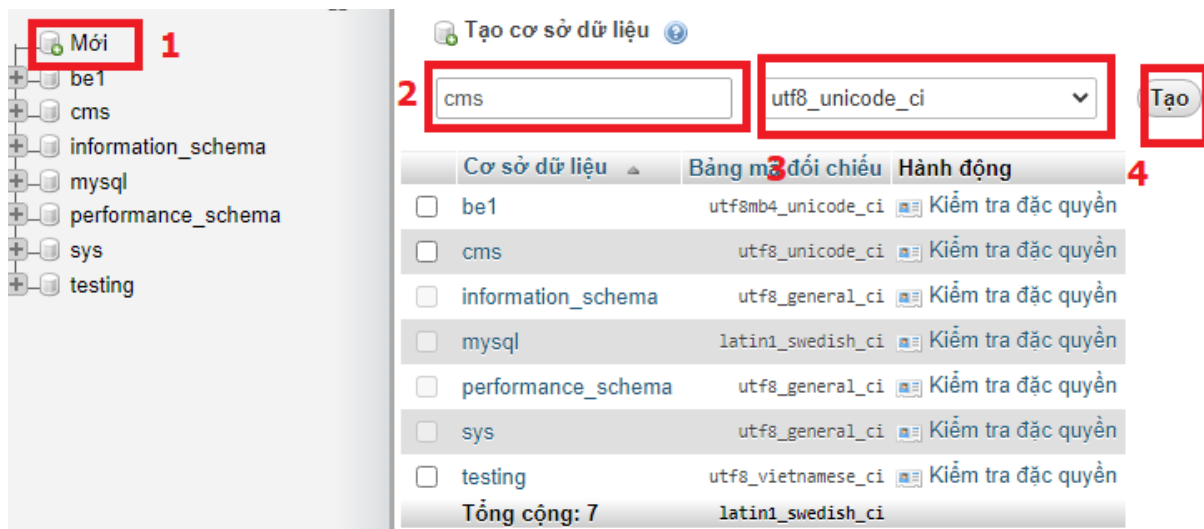
Tài khoản: root

Mật khẩu:

Chọn Máy chủ: MySQL

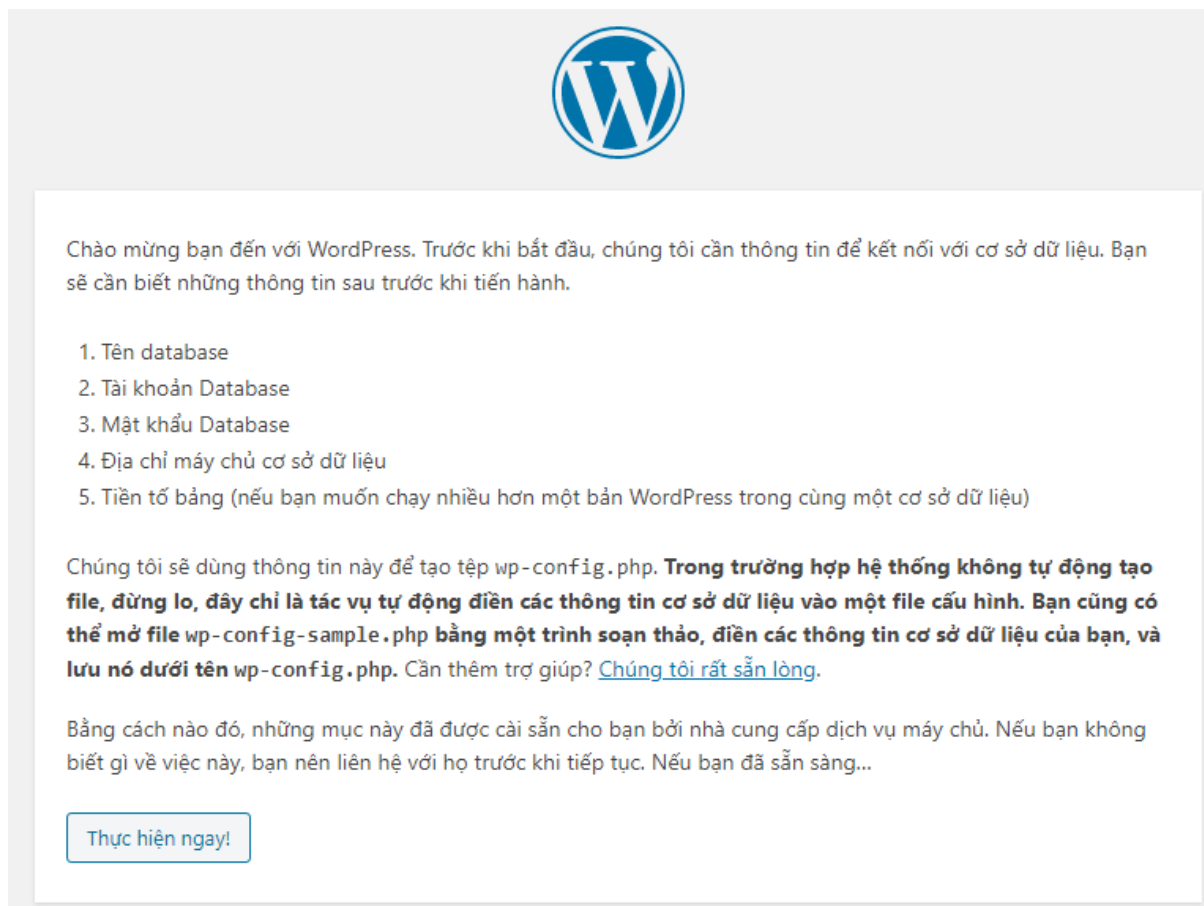
Thực hiện

Hình 6. Đăng nhập vào trang phpMyAdmin bằng tài khoản root



Hình 7. Tạo database CMS trong phpMyAdmin

B6: Bắt đầu cài đặt WordPress bằng cách vào đường dẫn localhost/wordpress



Hình 8. Bắt đầu cài đặt WordPress

Bạn cần nhập thông tin chi tiết để kết nối với cơ sở dữ liệu của bạn. Nếu bạn không biết, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ máy chủ của bạn.

| | | |
|----------------------|--|---|
| Tên Database | <input type="text" value="cms"/> | Tên cơ sở dữ liệu mà bạn muốn sử dụng với WordPress |
| Tên người dùng | <input type="text" value="root"/> | Tài khoản Database |
| Mật khẩu | <input type="password"/> | Mật khẩu Database |
| Database Host | <input type="text" value="localhost"/> | Bạn sẽ có thể nhận được thông tin từ máy chủ web của bạn, nếu localhost không làm việc. |
| Tiền Tố Bảng Dữ Liệu | <input type="text" value="wp_"/> | Nếu bạn muốn chạy nhiều website WordPress với cùng một cơ sở dữ liệu, hãy thay đổi giá trị này. |

Hình 9. Điền thông tin đã tạo ở bên phpMyAdmin



Xin chào

Chào mừng bạn đến với quá trình cài đặt 5 phút nổi tiếng của WordPress! Chỉ cần điền thông tin bên dưới và bạn sẽ lên đường sử dụng nền tảng xuất bản cá nhân linh hoạt và mạnh mẽ nhất trên thế giới.

Thông tin

Làm ơn cung cấp thông tin dưới đây. Đừng lo lắng, bạn luôn luôn có thể thay đổi những cài đặt này về sau.

Tên website

Tên người dùng

Tên đăng nhập chỉ có thể bao gồm bằng chữ cái và số, khoảng trống, gạch dưới, gạch ngang, dấu chấm và ký tự @.

Mật khẩu



Rất yếu

Quan trọng: Bạn cần tài khoản này để đăng nhập. Hãy lưu nó vào một nơi an toàn

Xác nhận mật khẩu

☒ Chấp nhận sử dụng mật khẩu yếu.

Email của bạn

Hãy kiểm tra cẩn thận địa chỉ email trước khi tiếp tục.

Tương tác với công
cụ tìm kiếm

☐ Ngăn chặn các công cụ tìm kiếm đánh chỉ mục website này

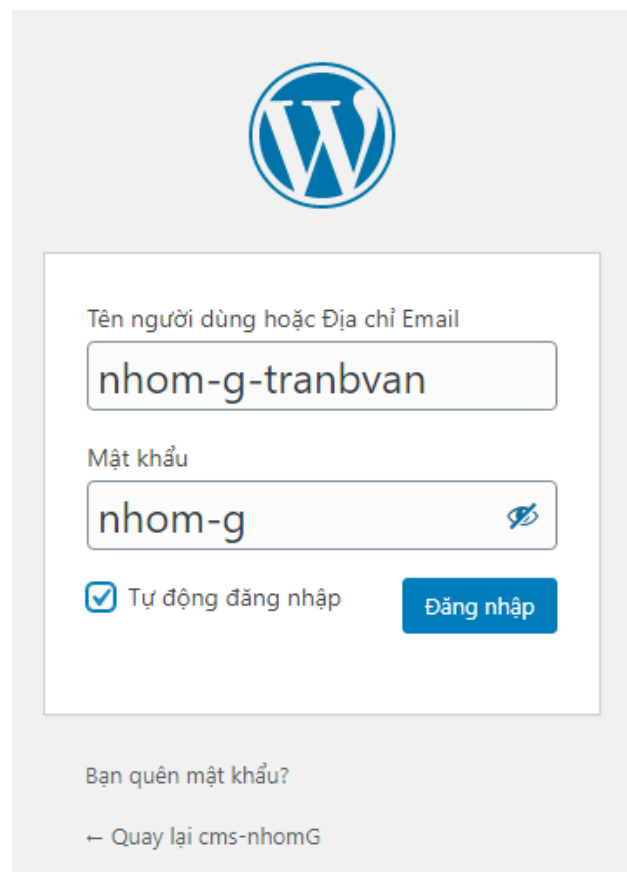
Việc tuân thủ yêu cầu này hoàn toàn phụ thuộc vào các công cụ tìm kiếm.

Cài đặt WordPress

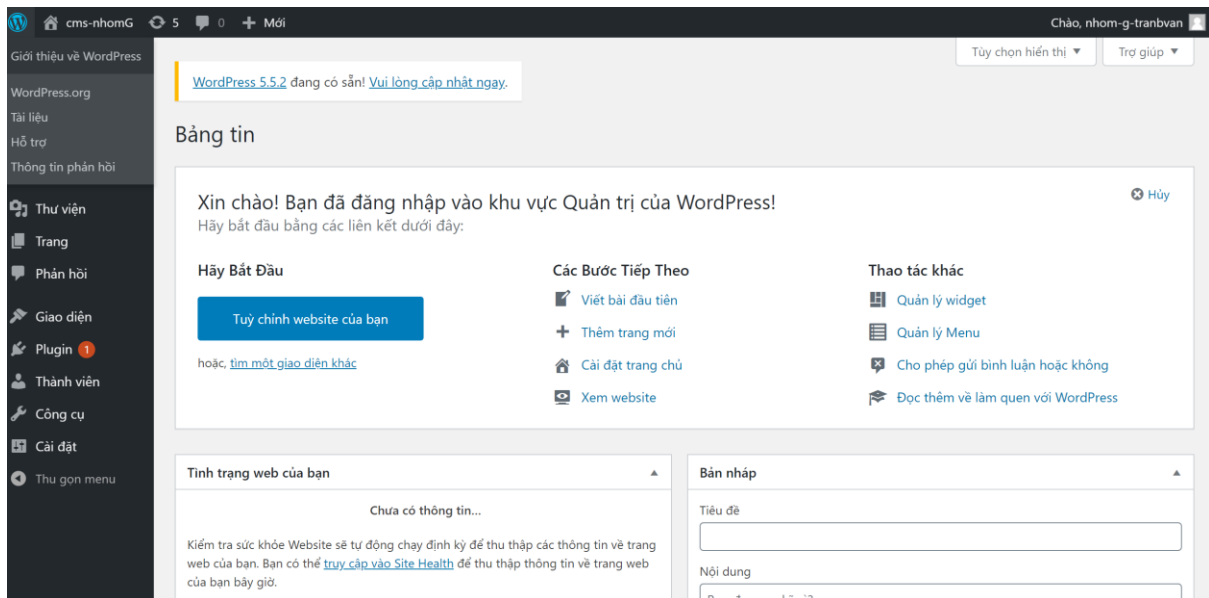
Hình 10. Tiếp tục điền thông tin đăng nhập người dùng admin



Hình 11. Nhận thông báo thành công



Hình 12. Tiến hành đăng nhập vào trang quản trị



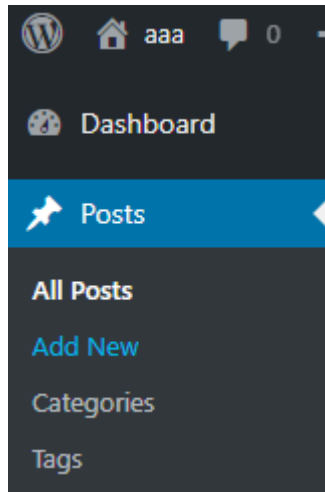
Hình 13. Giao diện vào trang quản trị thành công



Hình 14. Giao diện trang chủ website

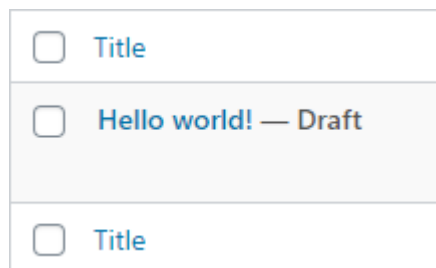
Quản trị phần Posts (Bài viết)

- Ở dashboard của trang quản trị, chúng ta tiến hành click con trỏ chuột vào trị trí “Posts” sẽ hiện ra các cửa mục “All Posts”, “Add New”, “Categories”, “Tag”



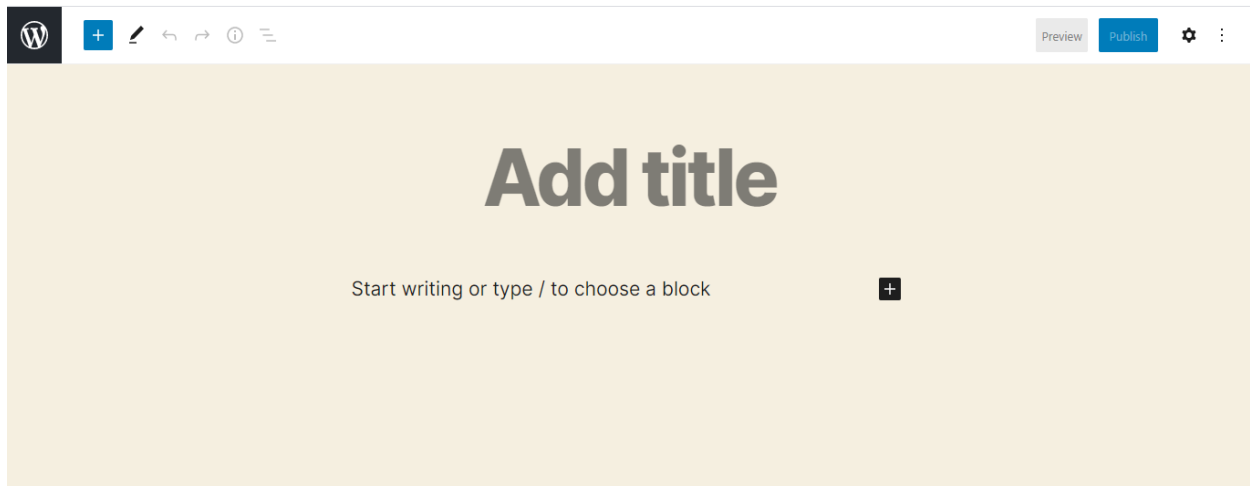
Hình 15. Các mục của “Posts”

- All Posts
 - Khi chọn vào “All Post” tất cả các posts hiện có sẽ xuất hiện.



Hình 16. All Posts

- Add New
 - Khi chọn vào “Add New” tại “Posts”, Trang thêm “Posts” sẽ hiện ra.

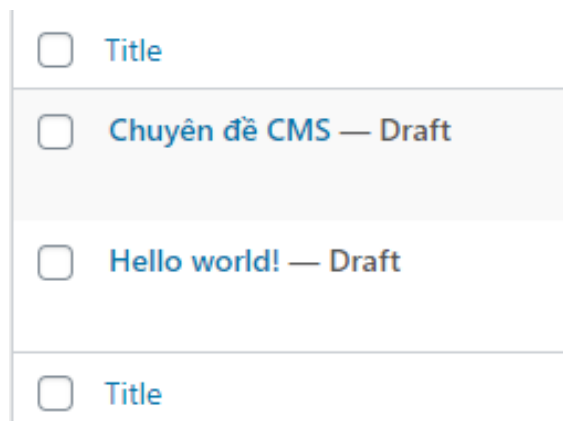


Hình 17. Trang “Add New” của “Posts”.

- Nhập thông tin vào bấm “Save draft”, như vậy Post mới đã được thêm thành công.



Hình 18. Tiến hành nhập thông tin cho Posts.



Hình 19. Thêm Post mới thành công

- Categories
 - Khi bấm vào “Categories” sẽ được đưa đến trang thêm mới 1 categories.

Name

 The name is how it appears on your site.

Slug

 The “slug” is the URL-friendly version of the name. It is usually all lowercase and contains only letters, numbers, and hyphens.

Parent Category

 Categories, unlike tags, can have a hierarchy. You might have a Jazz category, and under that have children categories for Bebop and Big Band. Totally optional.

Description

 The description is not prominent by default; however, some themes may show it.

Add New Category

Hình 20. Thêm mới categories

- Tiến hành nhập các thông tin cho categories và chọn “Add New category” thì 1 Category mới sẽ được tạo ra

| | | | | |
|--------------------------|---------------|-------------|---------------|-------|
| <input type="checkbox"/> | Name | Description | Slug | Count |
| <input type="checkbox"/> | Chuyên đề CMS | aaaaa | chuyen-de-cms | 0 |
| | Uncategorized | — | uncategorized | 0 |
| <input type="checkbox"/> | Name | Description | Slug | Count |

Hình 21. Thêm Category.

- Để xóa hoặc sửa 1 categories, đưa chọn trỏ chuột vào vị trí category muốn thực hiện.

| <input type="checkbox"/> | Name | Description | Slug | Count |
|--------------------------|--|-------------|---------------|-------|
| <input type="checkbox"/> | Chuyên đề CMS Edit Quick Edit Delete View | aaaaa | chuyen-de-cms | 0 |

Hình 22. Tiến hành edit hoặc delete category

- Khi nhấn vào “Edit” sẽ được đưa đến trang edit category, nhập các thông tin muốn sửa và chọn “Update” Hoặc có thể “Delete” category bằng cách Click chọn “Delete” . Sau khi update thành công sẽ có thông báo

Edit Category

Name

Chuyên đề CMS1

The name is how it appears on your site.

Slug

chuyen-de-cms

The “slug” is the URL-friendly version of the name. It is usually all lowercase and contains only letters, numbers, and hyphens.

Parent Category

None

Categories, unlike tags, can have a hierarchy. You might have a Jazz category, and under that have children categories for Bebop and Big Band. Totally optional.

Description

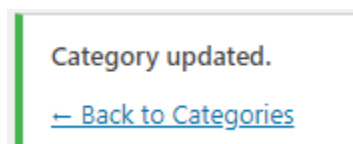
aaaaa

The description is not prominent by default; however, some themes may show it.

Update

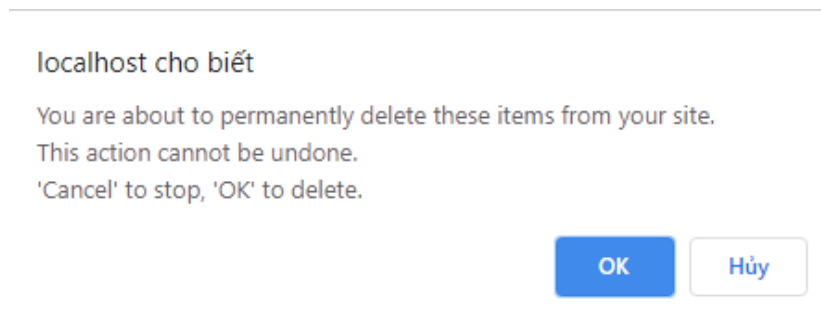
Delete

Hình 23. Tiến hành Edit category

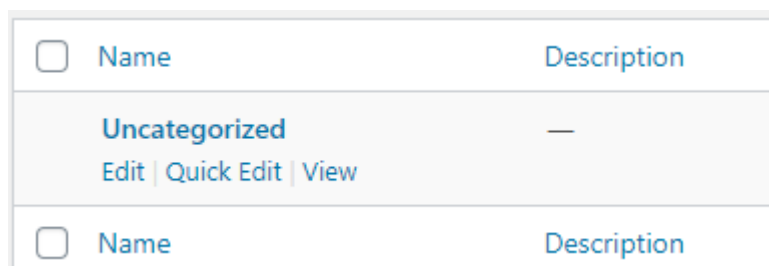


Hình 24. Update thành công

- Để xóa 1 category chọn vào “Delete”, 1 thông báo sẽ hiện lên, nếu click chọn “OK” thì category sẽ được xóa



Hình 25. Thông báo xóa category.



Hình 26. Xóa Category thành công.

- Tags
 - Khi click vào mục “tags” sẽ được đưa đến trang thêm 1 tags mới (Name – tên tag; Slug - địa chỉ URL cho tags đó; Description – Mô tả tag)

A form titled "Tags" with a subtitle "Add New Tag". It contains three input fields: "Name" (a text box), "Slug" (a text box), and "Description" (a larger text area). Below the "Name" field is a note: "The name is how it appears on your site." Below the "Slug" field is a note: "The 'slug' is the URL-friendly version of the name. It is usually all lowercase and contains only letters, numbers, and hyphens." Below the "Description" field is a note: "The description is not prominent by default; however, some themes may show it." At the bottom is a blue "Add New Tag" button.

Hình 27. Trang thêm tags mới

- Tiến hành nhập các thông tin và chọn “Add New Tag” để thêm mới tag.

Hình 28. Nhập các thông tin của tag

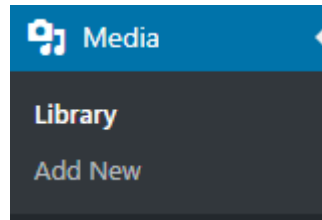
| <input type="checkbox"/> | Name | Description |
|--------------------------|---------------|-------------|
| <input type="checkbox"/> | Chuyên đề CMS | Thầy Nhuần |
| <input type="checkbox"/> | Name | Description |

Hình 29. Thêm tag thành công

- Để sửa hoặc xóa 1 tags, thực hiện như sửa và xóa category.

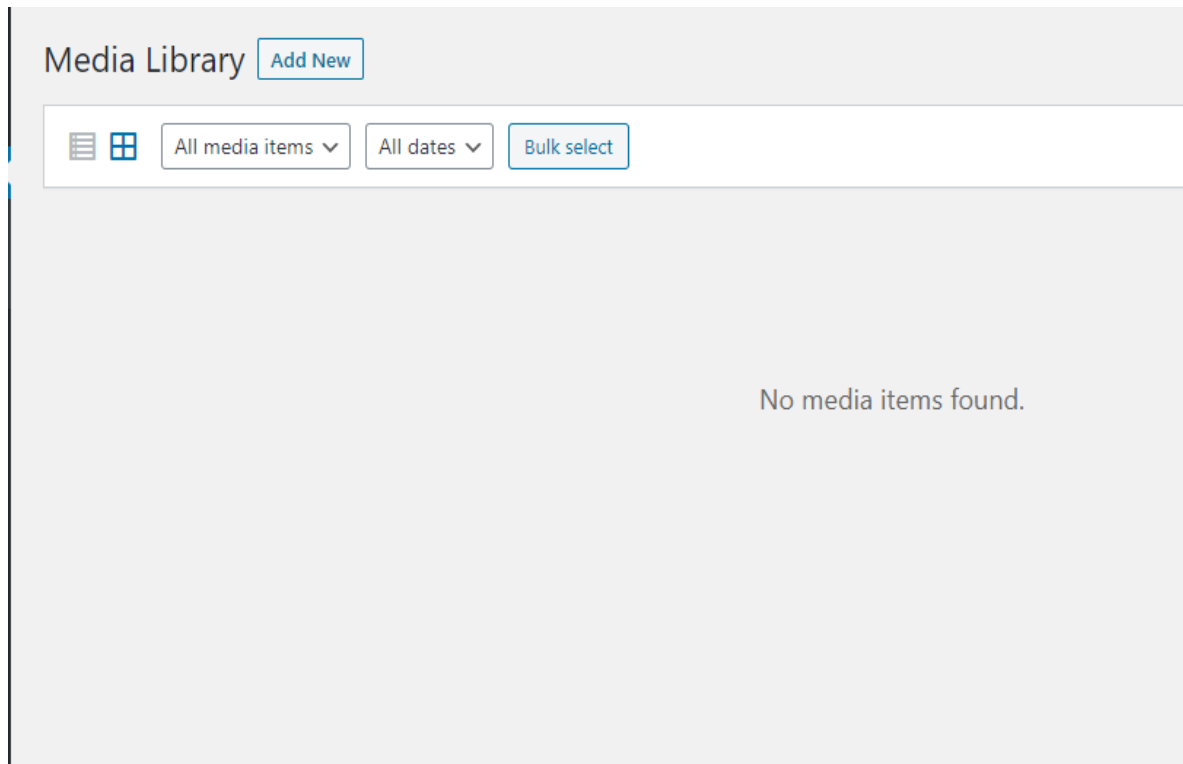
Quản trị phần Media (Phương tiện)

- Tiến hành bấm vào Media trên Dashboard để hiện để thực hiện xem các media hiện có hoặc thêm 1 media mới.



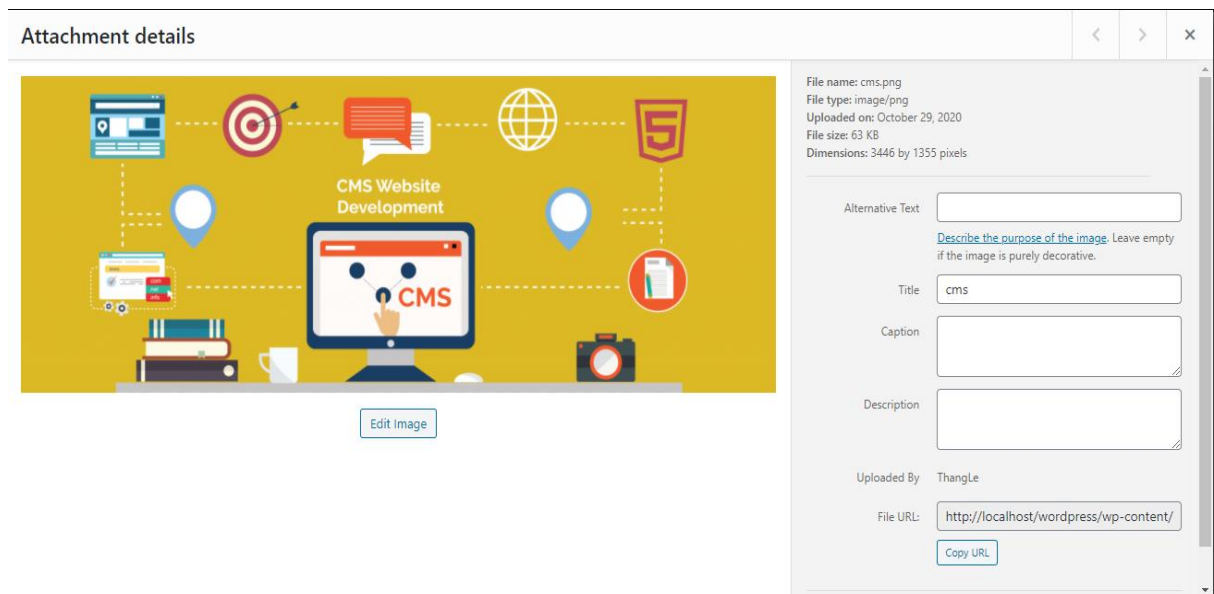
Hình 30. Sau khi click vào media

- Library
 - Khi click vào media, tiến hành chọn vào “Library” để xem các media hiện có



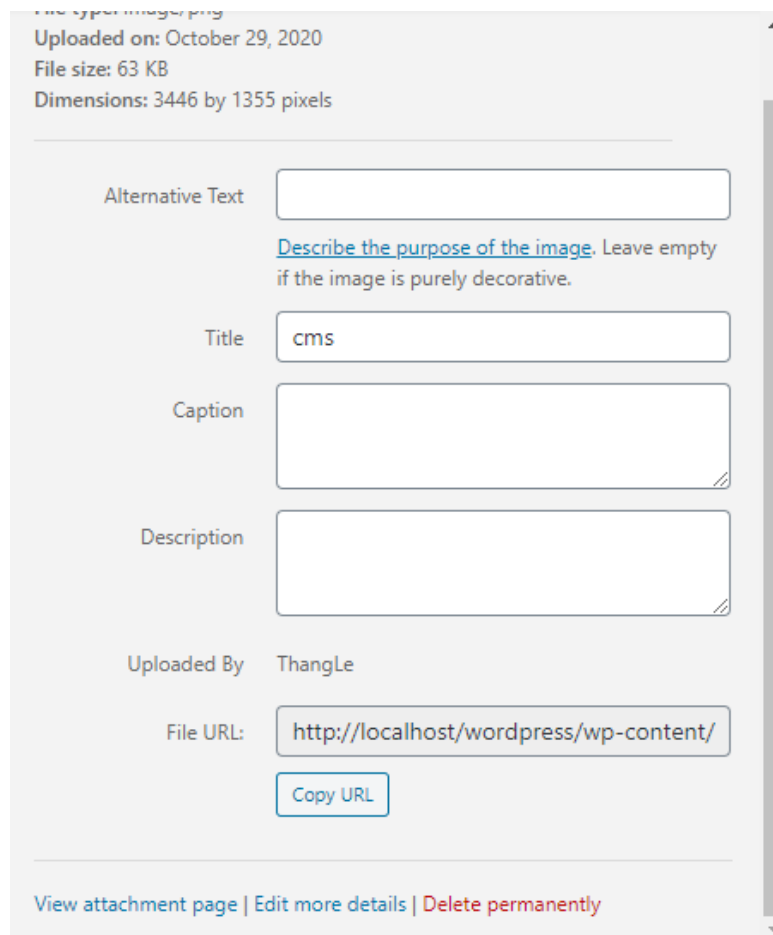
Hình 31. Các media hiện có

- Nháy chuột vào media để xem thông tin chi tiết.



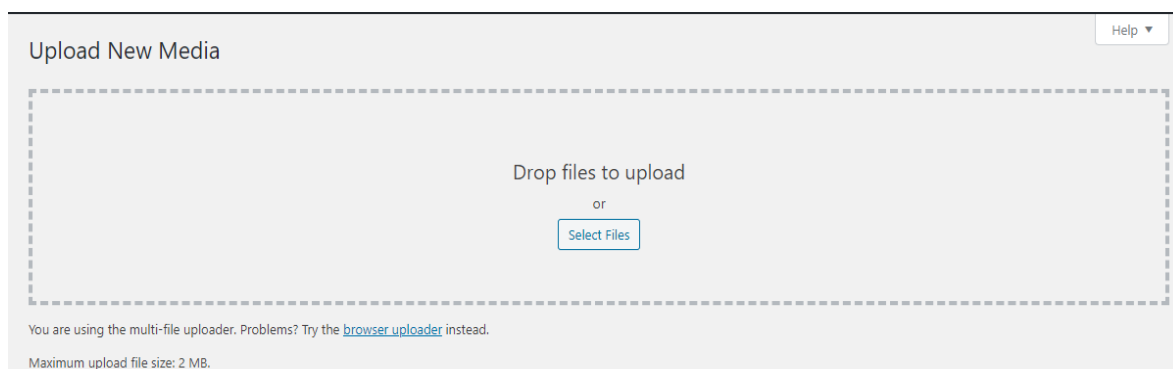
Hình 32. Thông tin chi tiết của media

- Có thể tiến hành xóa hoặc sửa media tại đây bằng cách chọn vào “Edit more details” Hoặc “Delete permanently”

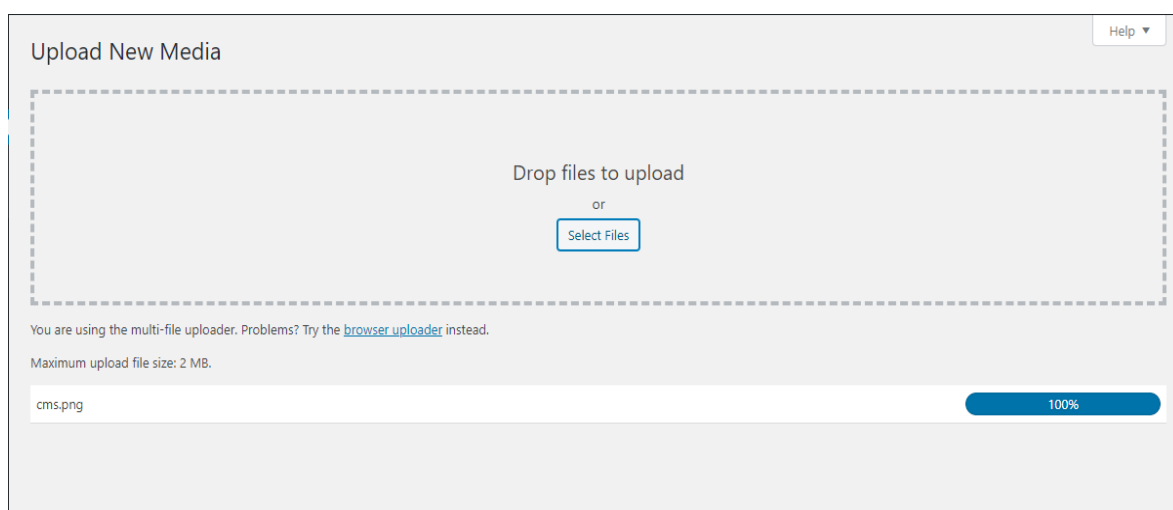


Hình 33. Sửa hoặc xóa Media

- Add New
 - Để thêm mới media, chọn vào “Add New” sau khi đã lick vào media.



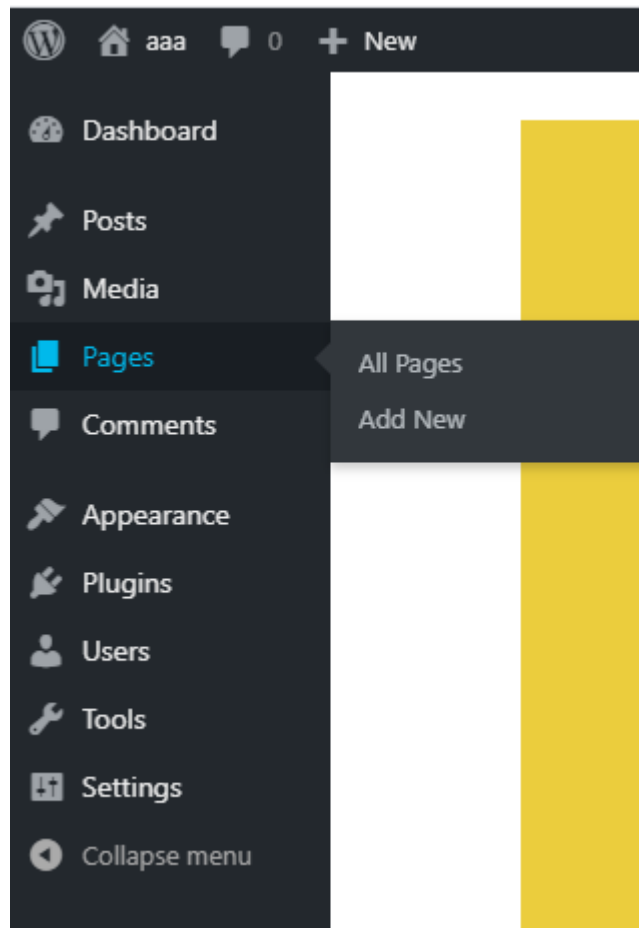
Hình 34. Thêm media mới



Hình 35. Tiến hành tải media từ máy tính lên

Quản trị phần Pages (Trang)

Ở dashboard của trang quản trị, tiến hành đưa con trỏ chuột vào trị trí page sẽ hiện ra 2 cửa sổ “All pages” và “Add new”



Hình 36. Khi đưa chuột vào cửa “Pages”

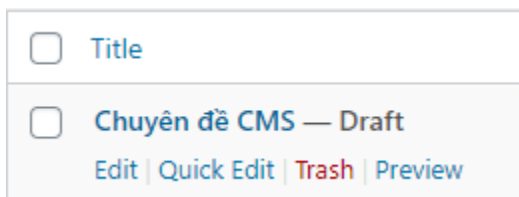
Tiến hành chọn “All Pages” hoặc “Add New”

- All pages
 - Khi chọn vào “All Page” tất cả các page hiện có sẽ

| <input type="checkbox"/> Title | Author | | Date |
|--|---------|---|--|
| <input type="checkbox"/> Chuyên đề CMS — Draft | ThangLe | — | Last Modified 2020/10/29 at 8:39 pm |
| <input type="checkbox"/> Privacy Policy — Draft, Privacy Policy Page | ThangLe | — | Last Modified 2020/10/24 at 3:54 am |
| <input type="checkbox"/> Sample Page | ThangLe | — | Published 2020/10/24 at 3:54 am |
| <input type="checkbox"/> Title | Author | | Date |

Hình 37. “All Pages”

- Để edit 1 page, di chuyển con trỏ chuột đến vị trí page đó và tiến hành chọn edit.

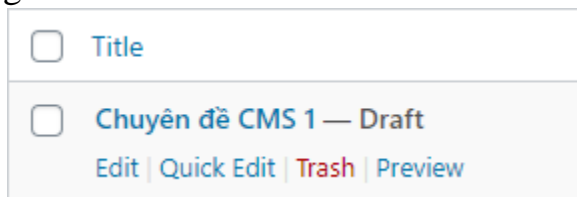


Hình 38. Cửa sổ chọn tính năng



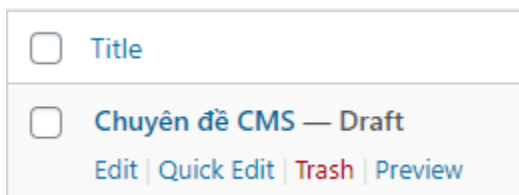
Hình 39. Trang edit page.

- Sau khi tiến hành edit, chọn “Save draft”, như vậy page đó đã được edit thành công.



Hình 40. Edit thành công page

- Để xóa 1 page, tiến hành di chuyển con trỏ chuột đến vị trí page đó và tiến hành chọn “Trash”



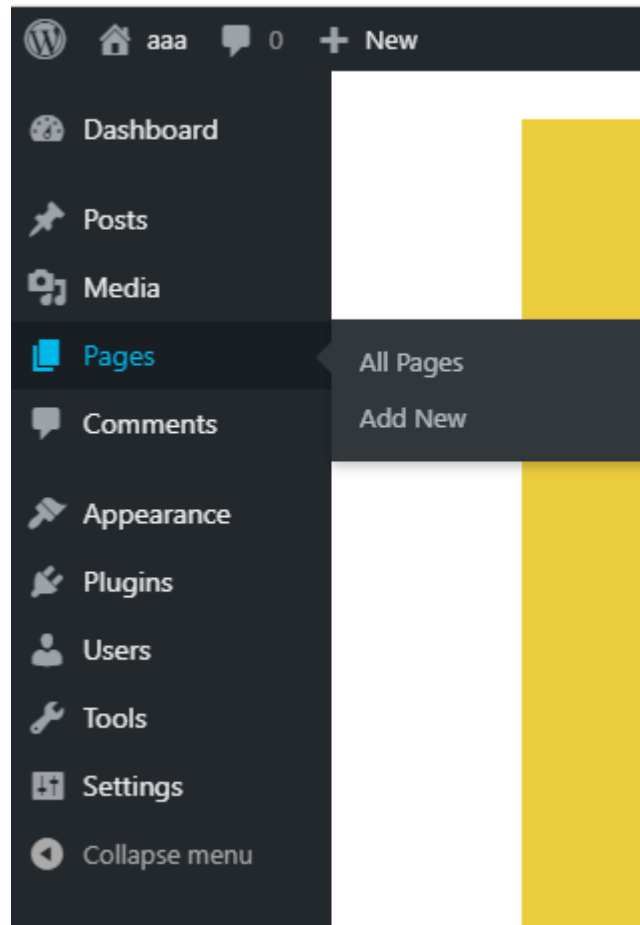
Hình 41. Cửa sổ chọn tính năng

- Sau khi click chuột vào “Trash”, page sẽ được xóa đi.

| <input type="checkbox"/> Title ▲ | Author | | Date |
|--|---------|---|--|
| <input type="checkbox"/> Privacy Policy — Draft, Privacy Policy Page | ThangLe | — | Last Modified 2020/10/24 at 3:54 am |
| <input type="checkbox"/> Sample Page | ThangLe | — | Published 2020/10/24 at 3:54 am |
| <input type="checkbox"/> Title | Author | | Date |

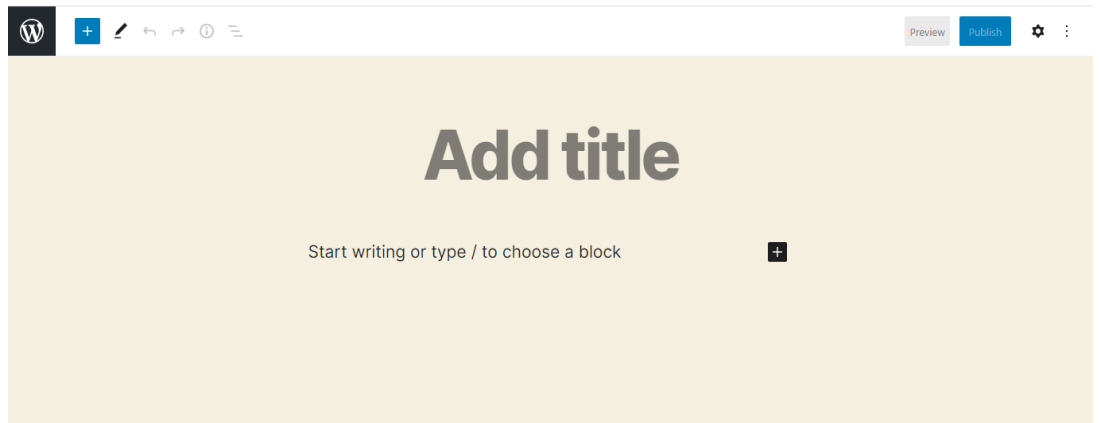
Hình 42. Page “Chuyên đề CMS1” đã được xóa”

- Add new
 - Để tiến hành thêm mới 1 page, chọn “Add New” tại cửa sổ “Pages”



Hình 43. Cửa sổ “Pages”

- Sau đó trang “Add New” sẽ hiện ra.



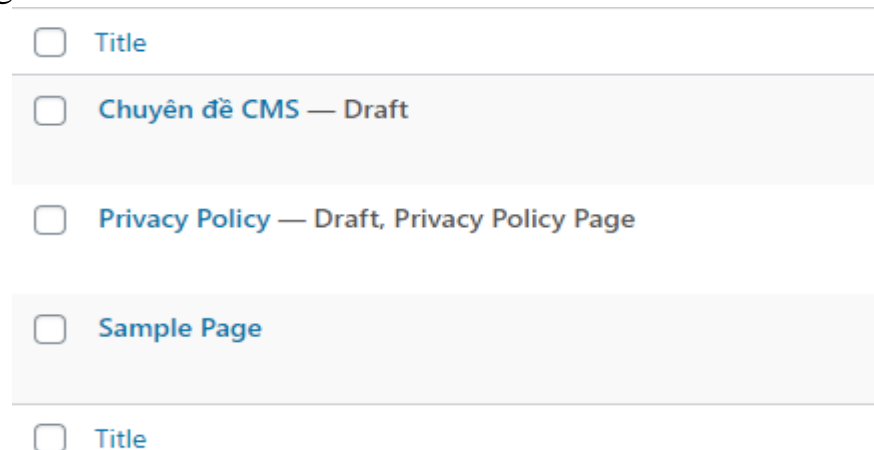
Hình 44. Trang “Add New”

- Tiến hành nhập “Title” và “Nội dung” cho pages.



Hình 45. Tiến hành nhập thông tin cho page

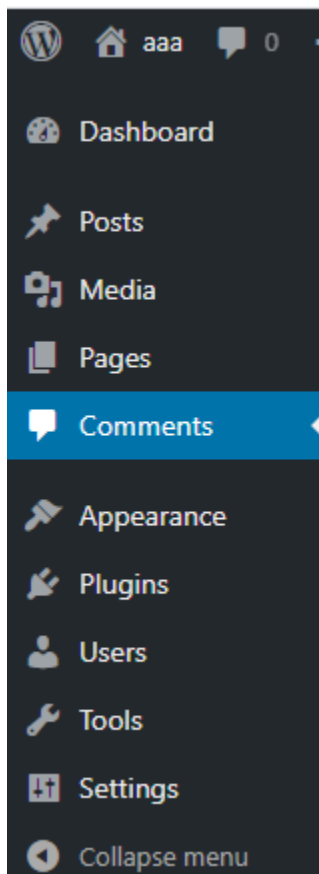
- Sau đó bấm vào “Save draft” thì page mới đã được thêm thành công



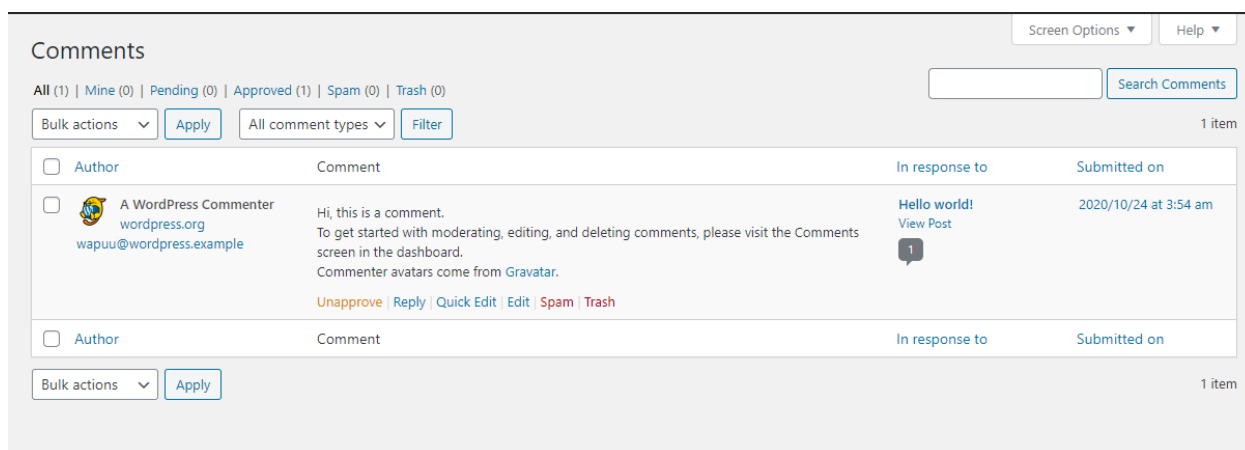
Hình 46. Đã thêm page thành công

Quản trị phần Comments (Bình luận)

- Click chuột trái vào phần “Comment” trên Dashboard để xem tất cả comment



Hình 47. Comment trên dashboard



Hình 48. Tất cả comments.

Có thể tiến hành reply hoặc chỉnh sửa comment cũng như xóa hay đưa comment này vào thùng rác tại đây.

Screen Options ▾

Help ▾

Comments

All (1) | Mine (0) | Pending (0) | Approved (1) | Spam (0) | Trash (0)


Bulk actions ▾

Apply

All comment types ▾

Filter

1 item

| <input type="checkbox"/> | Author | Comment | In response to | Submitted on |
|--------------------------|--|--|--|-----------------------|
| <input type="checkbox"/> |  <div> A WordPress Commenter wordpress.org wapuu@wordpress.example </div> | Hi, this is a comment. To get started with moderating, editing, and deleting comments, please visit the Comments screen in the dashboard. Commenter avatars come from Gravatar . | Hello world! View Post <div>1</div> | 2020/10/24 at 3:54 am |

Reply to Comment

b

i

link

b-quote

del

ins

img

ul

ol

li

code


close tags

Reply


Cancel

| <input type="checkbox"/> | Author | Comment | In response to | Submitted on |
|--------------------------|--------|---------|----------------|--------------|
|--------------------------|--------|---------|----------------|--------------|

Hình 49. Tiến hành reply Comment.

| <input type="checkbox"/> | Author | Comment |
|--|---|---------|
|  | Comment by A WordPress Commenter marked as spam. Undo | |

Hình 50. Đưa comment vào mục spam

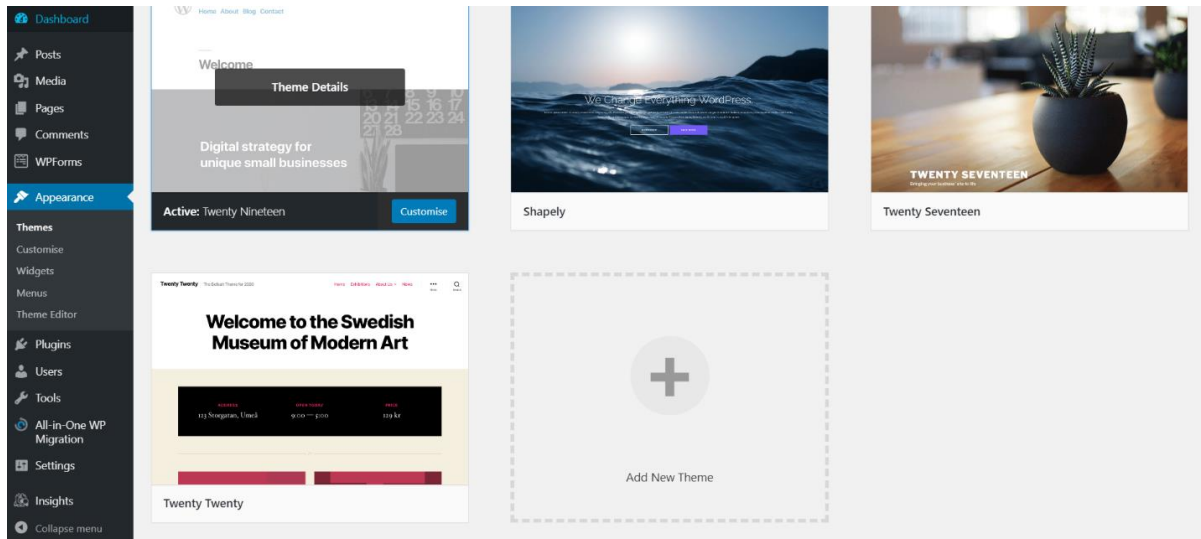
| <input type="checkbox"/> | Author | Comment |
|---|---|---------|
|  | Comment by A WordPress Commenter moved to the Trash. Undo | |
| <input type="checkbox"/> | Author | Comment |

Hình 51. Xóa comment

Quản trị phần Appearance (Giao diện)

a) Themes

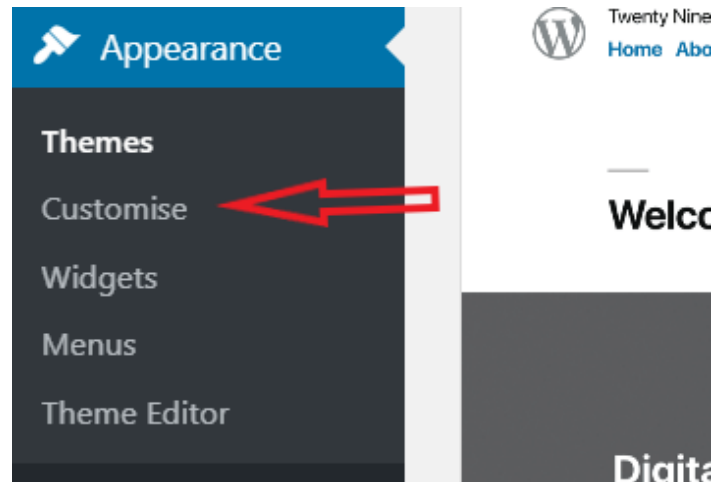
Dùng để chọn theme có sẵn hoặc đã tạo cho trang wordpress



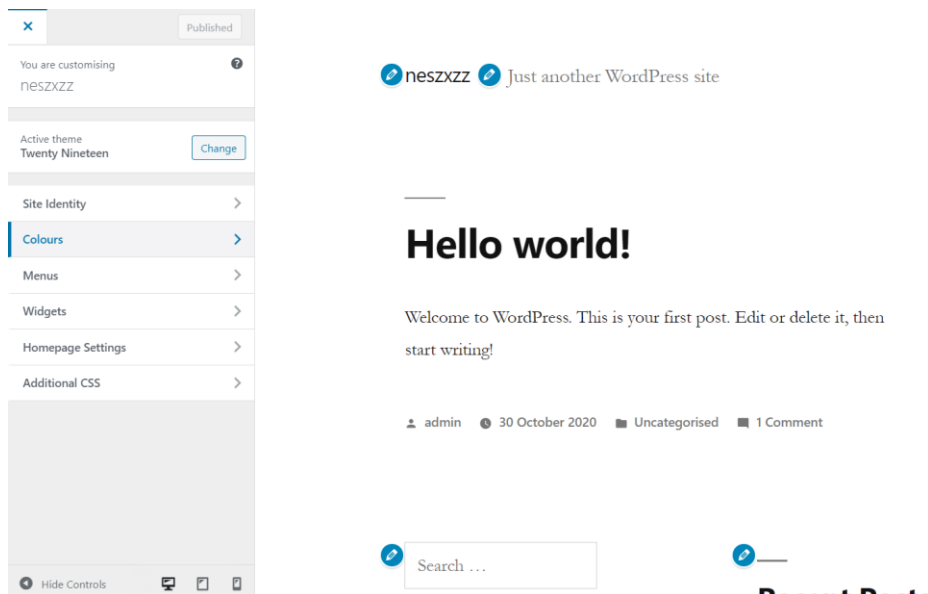
Hình 52. Giao diện wordpress

b) Customise

Trang customize dùng để chỉnh sửa mô tả và màu sắc chính cho website



Hình 53. Vị trí customise



Hình 54. Giao diện customize

i) Site Identity: Dùng để hiển thị nội dung trên tab trình duyệt

<

Customising
Site Identity

Logo

Select logo

Site Title

cms

Tagline

Just another WordPress site

Site Icon

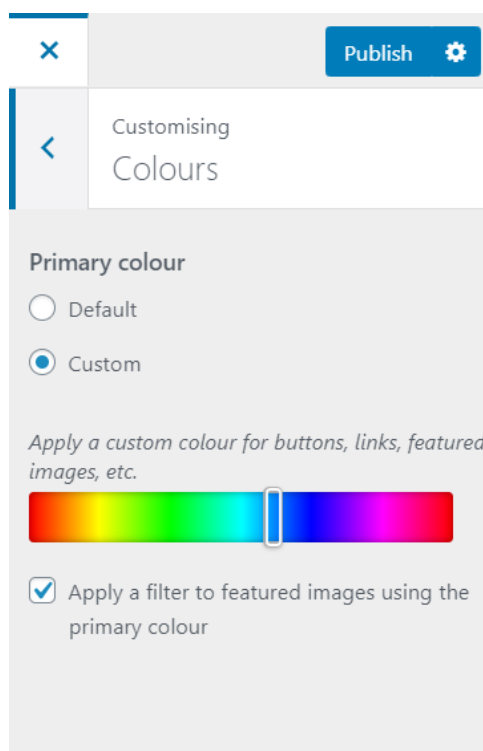
Site Icons are what you see in browser tabs, bookmark bars, and within the WordPress mobile apps. Upload one here!

Site Icons should be square and at least 512 × 512 pixels.

Select site icon

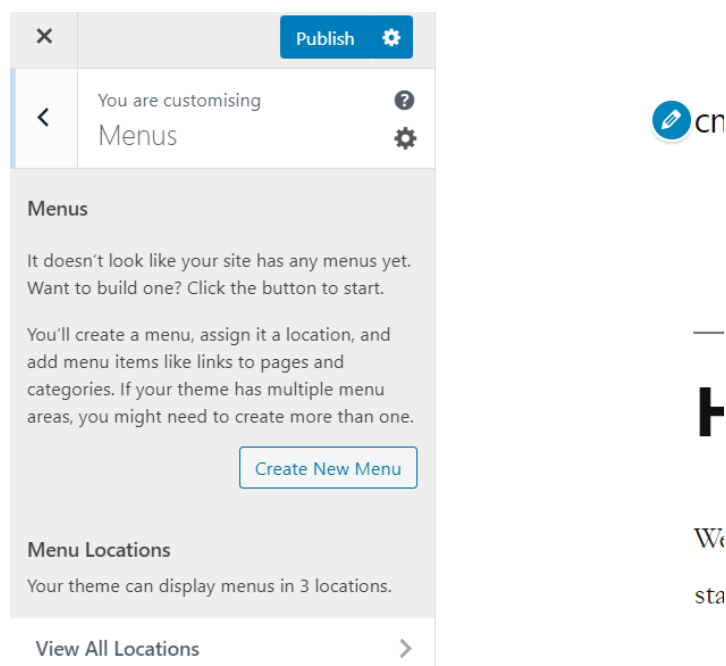
Hình 55. Chi tiết Site Identity

ii) Colours: Dùng để chỉnh sửa màu chủ đề cho trang web



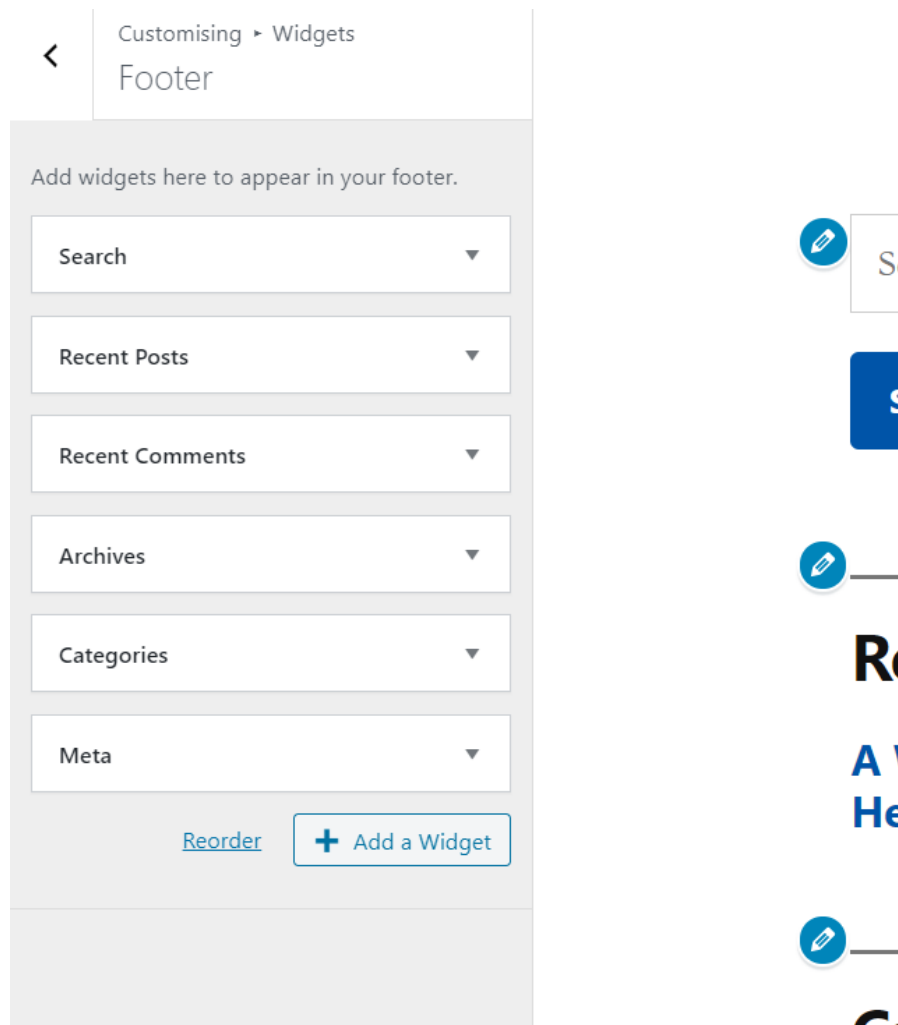
Hình 56. Chi tiết phần colours

iii) Menu: Có thể thao tác chỉnh sửa vị trí hiển thị menu trên trang web



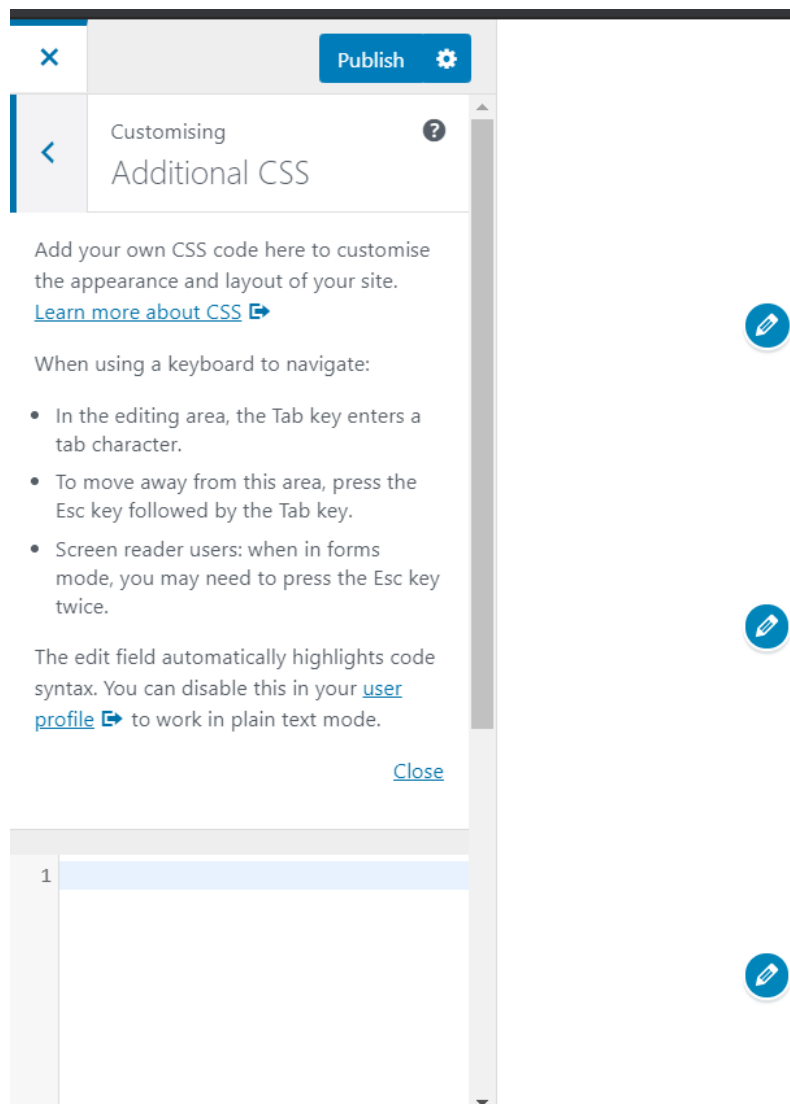
Hình 57. Chi tiết phần menu

iv) Widget: Chỉnh sửa trực tiếp nội dung trên Customize thay vì phải vào mục Widget để sửa



Hình 58. Chỉnh các Widget ở Footer

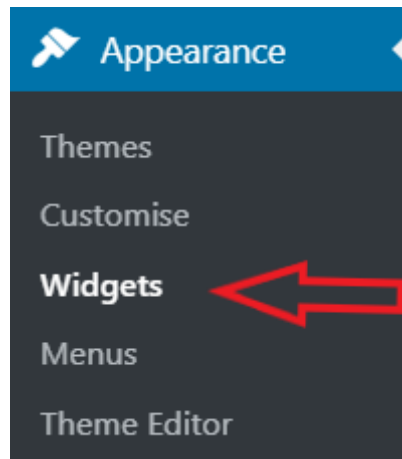
- v) Additional CSS: Nhúng CSS vào trang web trong trường hợp cần custom một số chức năng



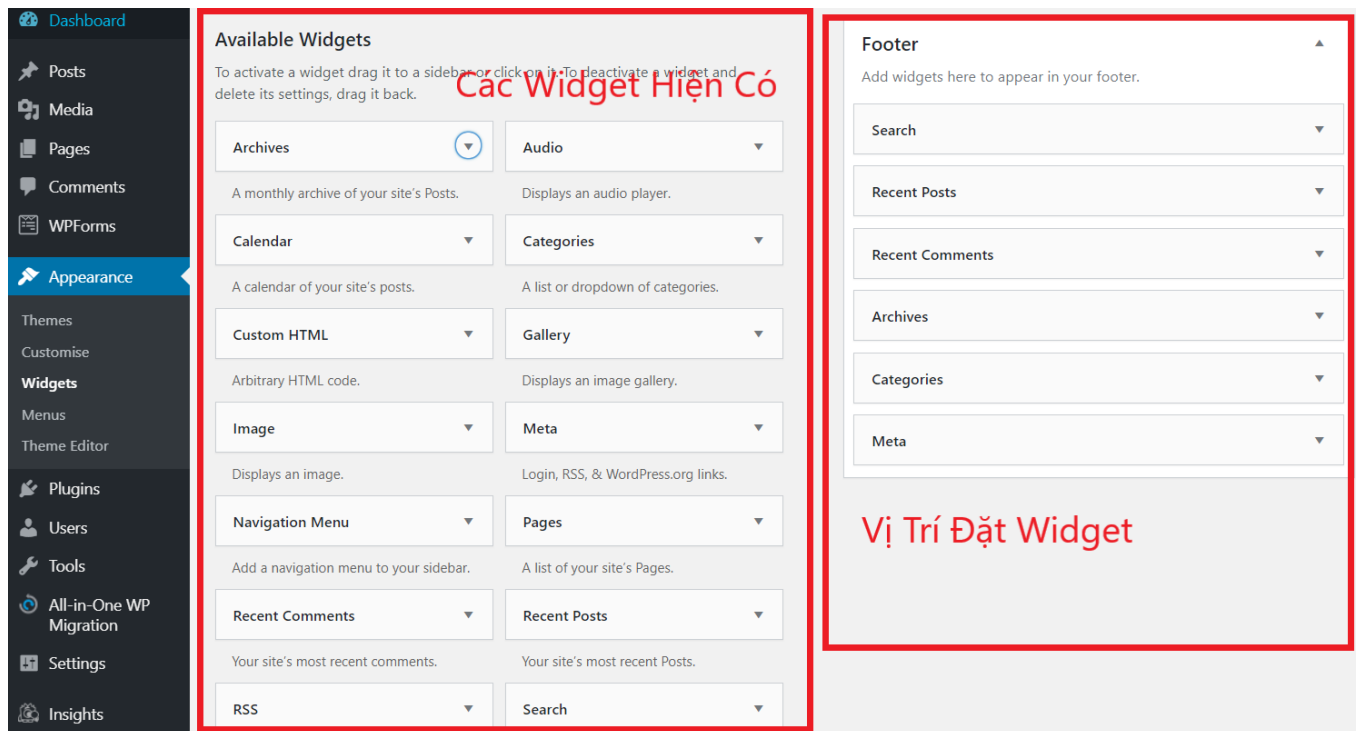
Hình 59. Chi tiết Additional CSS

c) Widgets

- Gồm nhiều chức năng nhỏ dễ dàng thay thế khi cần thiết



Hình 60. Vị trí Widgets

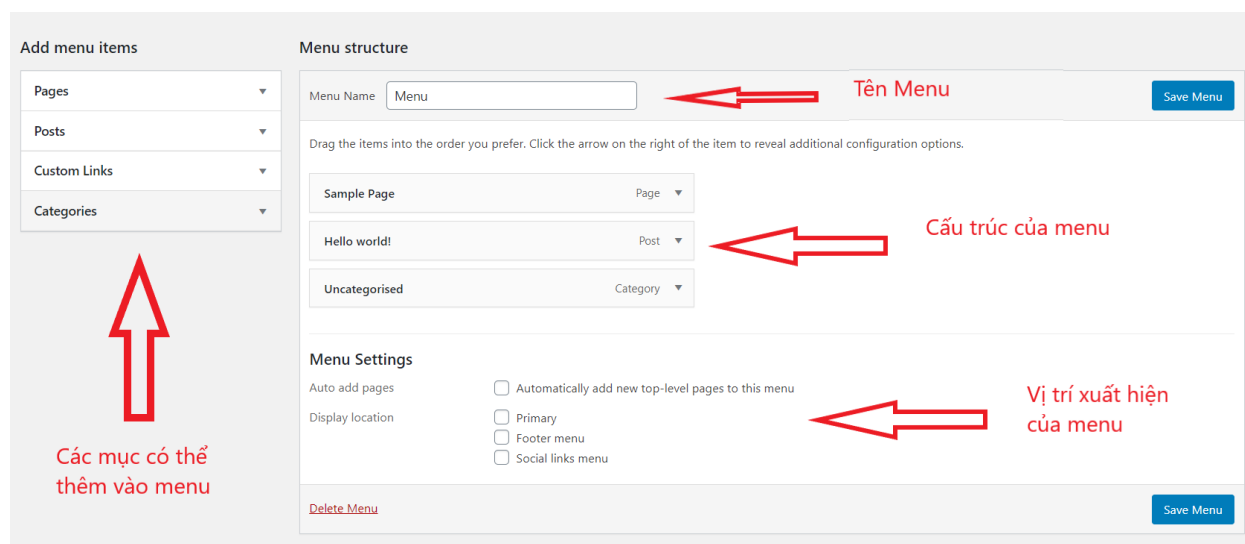


Hình 61. Chi tiết Widget

- vi) Cách gắn: Kéo widget và thả vào phần vị trí đặt widget mong muốn
- vii) Thay đổi thứ tự: Kéo và thả ở vị trí thứ tự mong muốn
- viii) Tháo widget: Kéo widget và thả ra khỏi vị trí đặt widget khi không cần dung tới nữa

d) Menus:

Chỉnh sửa cấu trúc và phân cấp menu và hiển thị trên header, footer,...

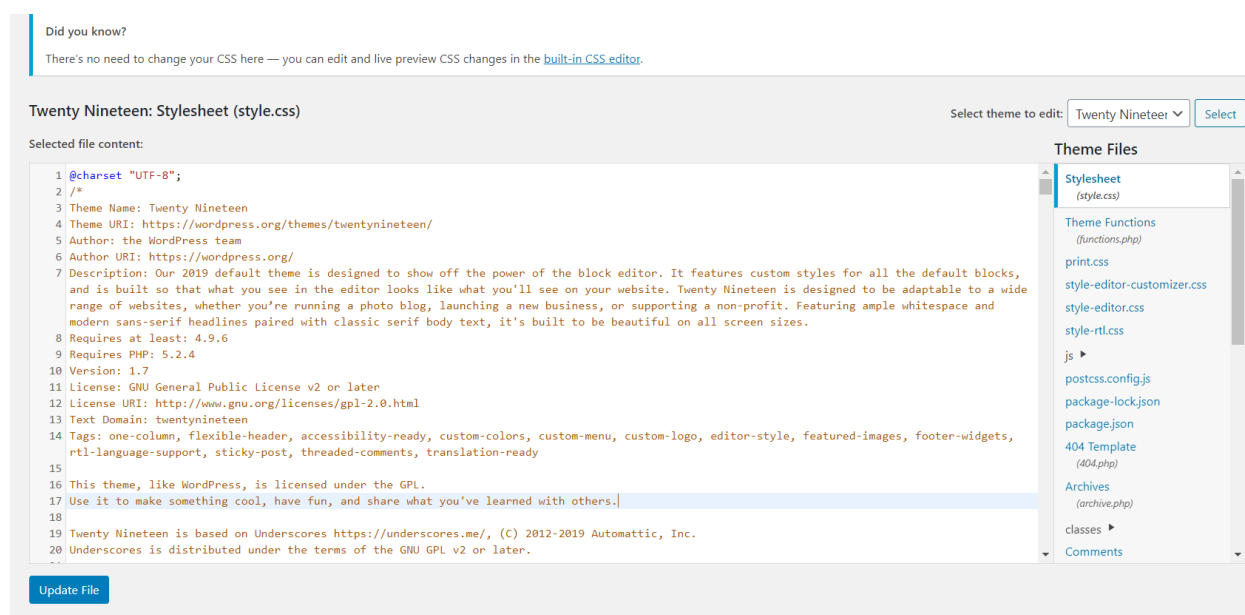


Hình 62. Chi tiết menu

e) Theme editor:

Dùng để sửa trực tiếp trên file theme. Có thể code trực tiếp trên editor

Nên cân nhắc trước khi chỉnh sửa vì có thể khiến trang web bị hư

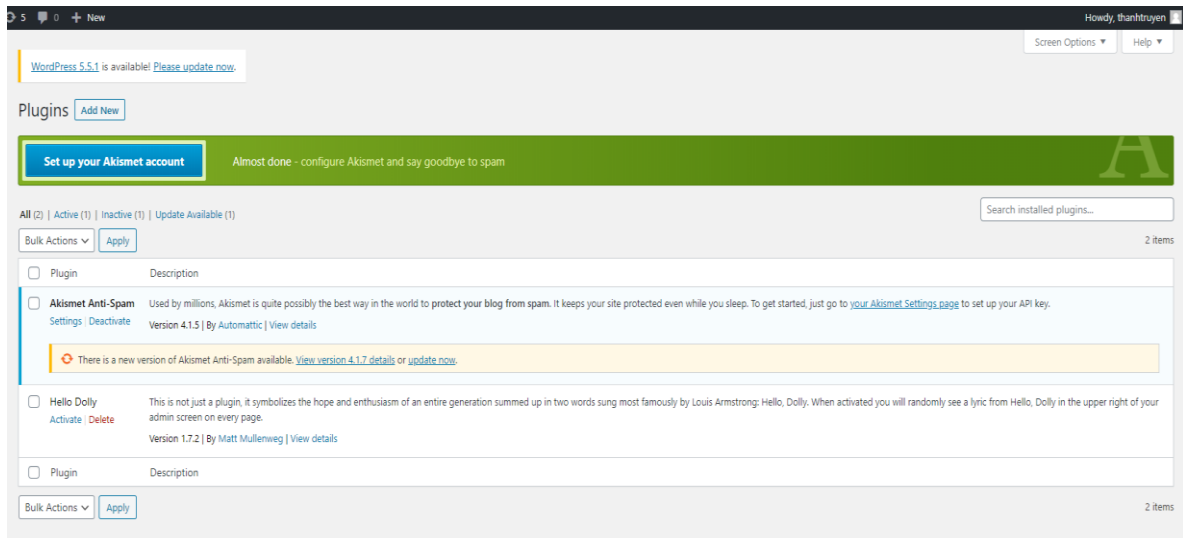


Hình 63. Giao diện Theme Editor

Quản trị phần Plugins

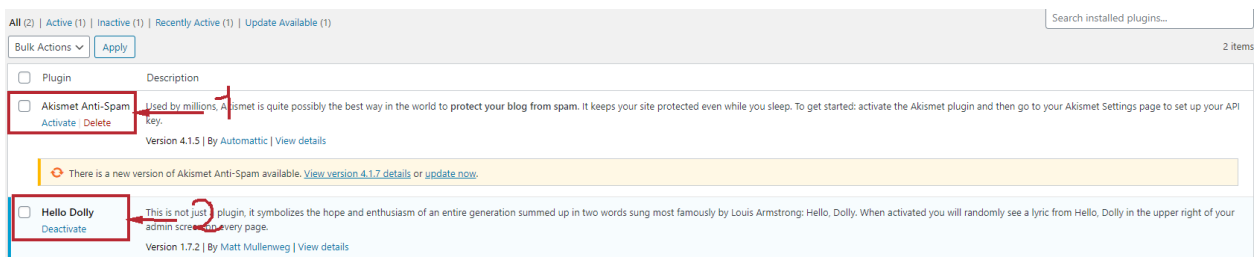
“Plugins là một đoạn code được tạo ra để gắn vào trong wordpress, có thể biến một blog website đơn giản thành bất kì web nào với đủ loại chức năng.”

Sử dụng plugins một cách triệt để sẽ giúp website tăng chức năng, cải thiện quá trình làm việc là xử lí công việc hiệu quả hơn



Hình 64. Giao diện plugins

Giao diện plugins gồm có: Installed plugins, add new và plugins editor

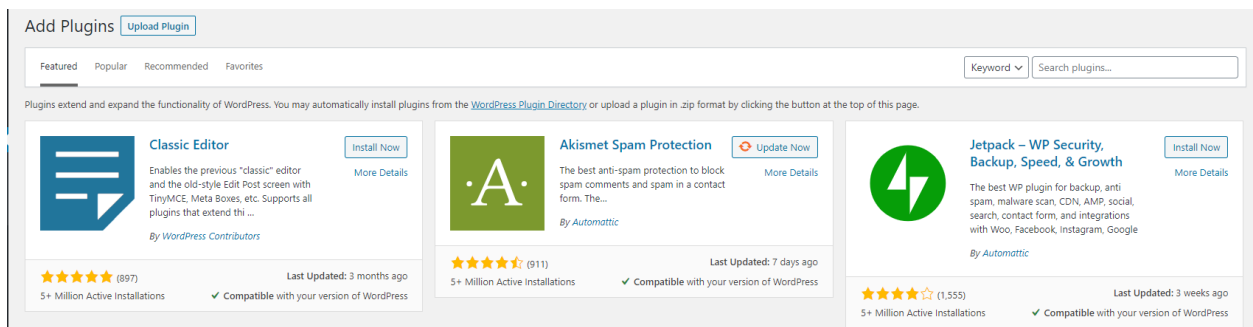


Hình 65. Giao diện installed plugins

- **Installed plugins:** tất cả những plugins được tải về đều được lưu trữ và chỉnh sửa tại đây. Có thể cho nó hoạt động, ngừng hoạt động hoặc xóa nó đi nếu không cần thiết

Có 2 plugins được installed vào wordpress:

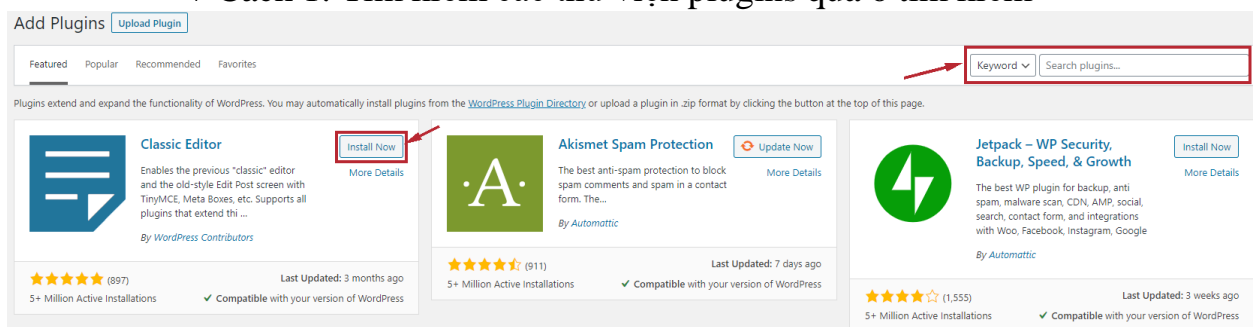
- + Chú thích 1: Plugins chưa được activate
- + Chú thích 2: Plugins đang được hoạt động trên wordpress



Hình 66. Giao diện add new

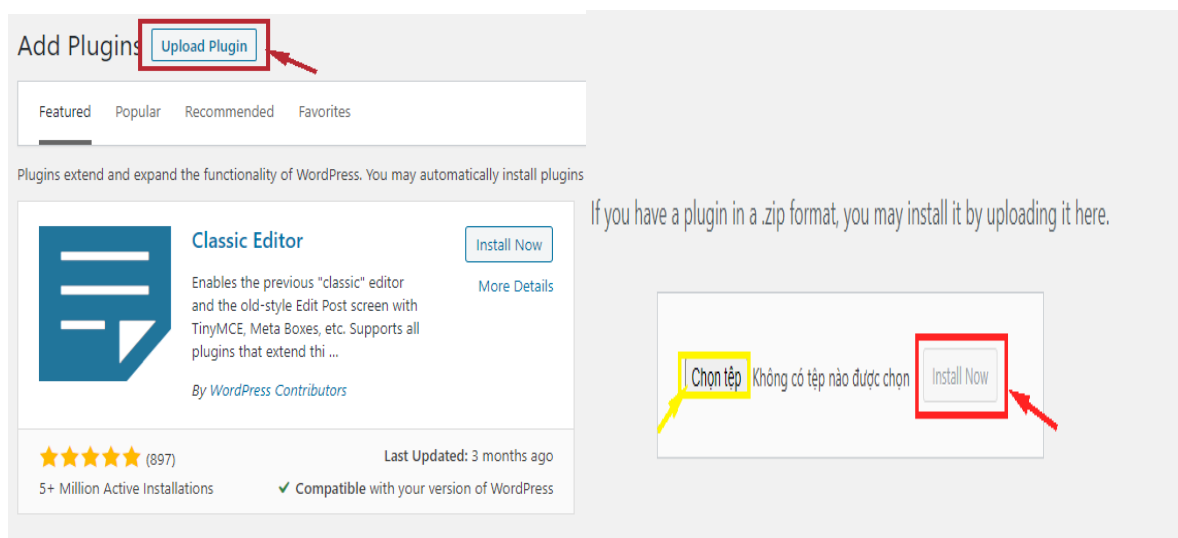
- Add new: Thêm plugins vào wordpress. Có thể thêm plugins vào bằng 2 cách

+ Cách 1: Tìm kiếm các thư viện plugins qua ô tìm kiếm



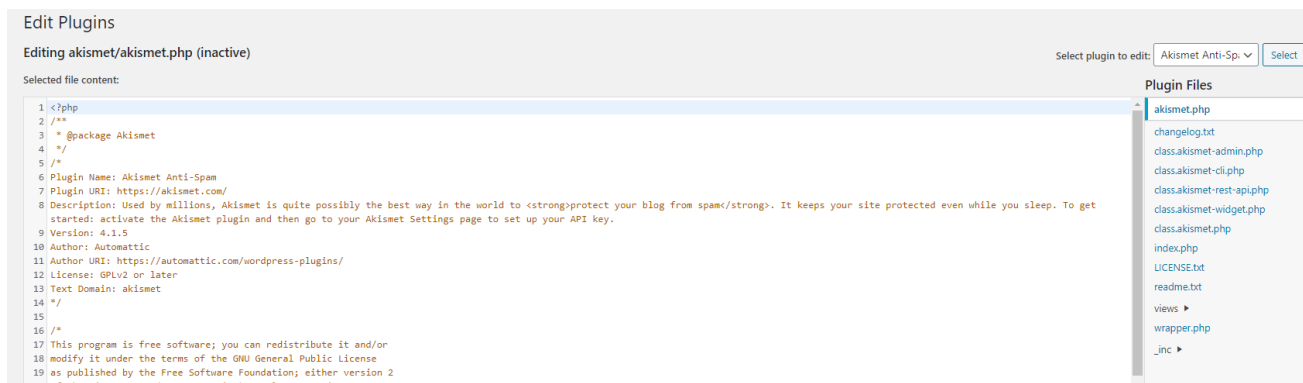
Hình 67. Tìm kiếm và install plugins

+ Cách 2: Cài đặt plugins bằng cách upload từ file trên máy tính



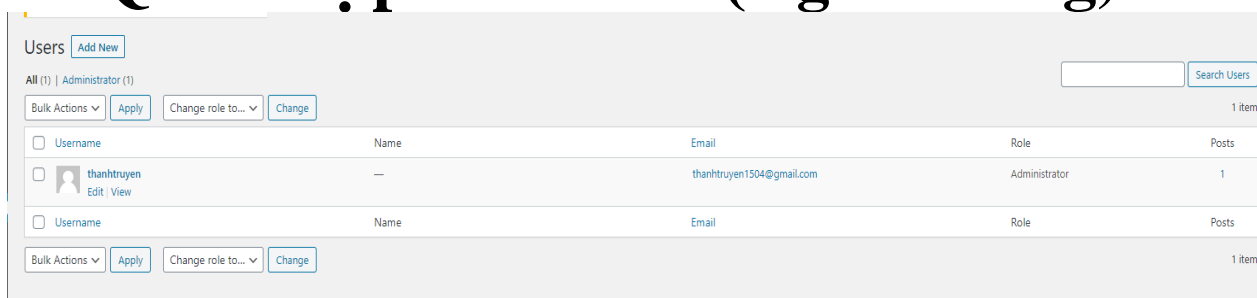
Hình 68. Cài đặt plugins upload từ file trên máy tính

- **Plugins editor:** Công cụ để chỉnh sửa code trực tiếp trong plugins



Hình 69. Giao diện plugins editor

Quản trị phần Users (Người dùng)



Hình 70. Giao diện users

Giao diện users dùng để thêm và quản lí người dùng trong WordPress

Hình 71. Giao diện add users

Add new: Thêm người dùng

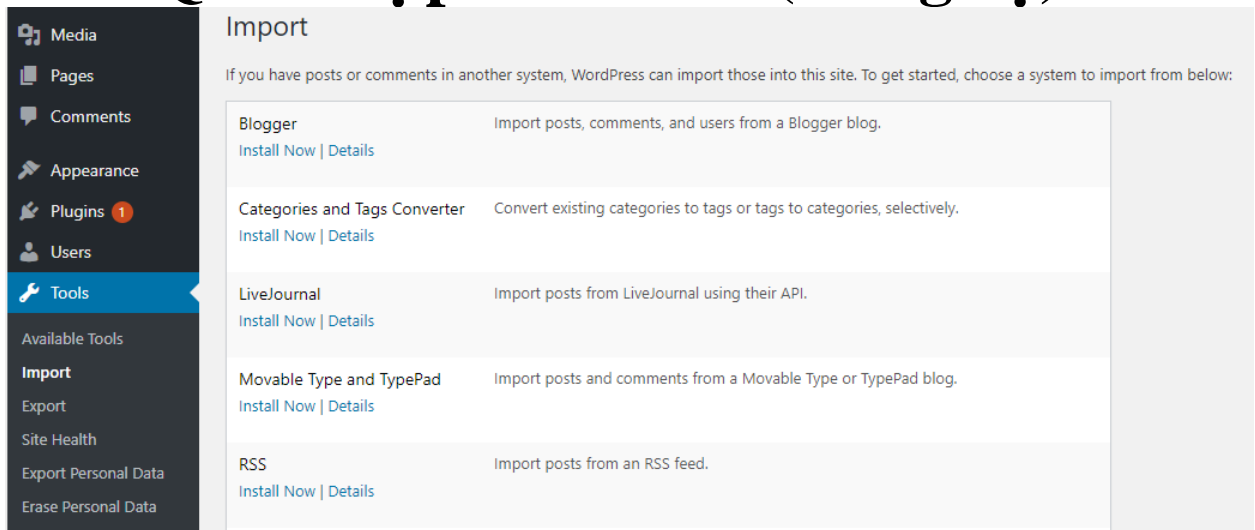
Các bước thêm người dùng vào wordpress:

- + Chọn Users -> add new từ thanh menu
- + Điền đầy đủ thông tin vào form
- + Chọn quyền(user role)
- + Click add new user

Hình 72. Giao diện your profile

Your profile: cho phép người dùng chỉnh sửa thông tin cá nhân, hình ảnh đại diện, và có thể thay đổi mật khẩu của bản thân

Quản trị phần Tools (Công cụ)



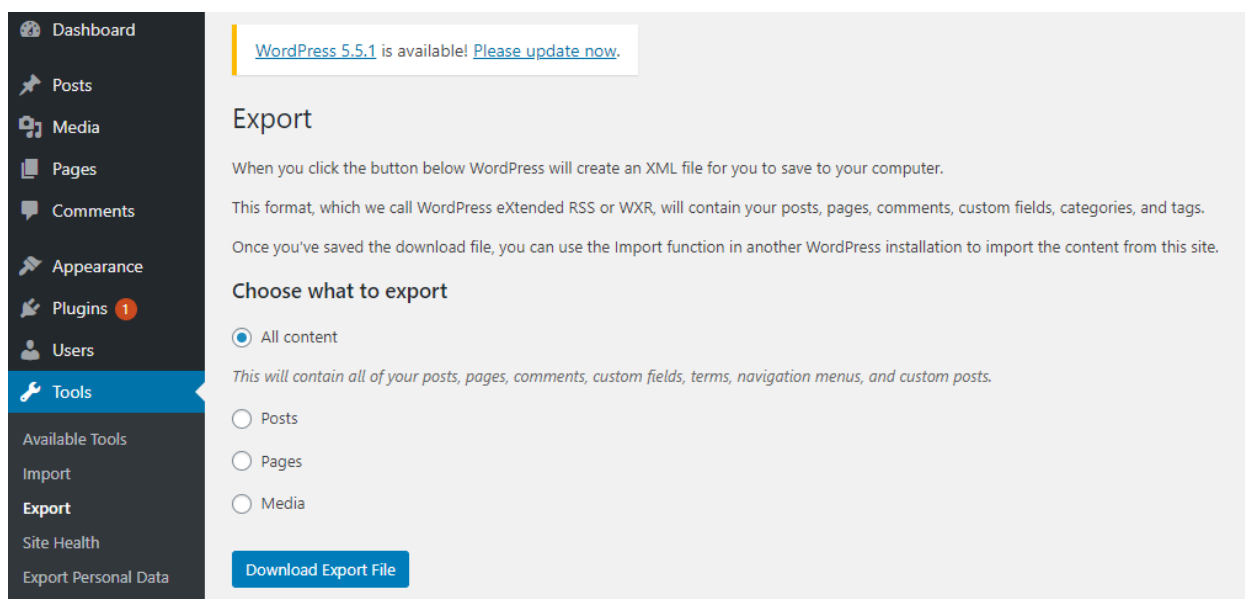
Hình 73. Giao diện import tool

Available Tools: Các công cụ có sẵn

Import: Cài đặt nhập dữ liệu. Nhập nội dung (bài viết, bình luận) từ các hệ thống website khác tới Website WordPress một cách tự động.

- Blogger: Công cụ đẩy nội dung từ trang Blogspot tới Website WordPress.
- Categories and Tags Converter: Công cụ giúp chuyển đổi các chuyên mục thành các thẻ Tags và ngược lại.

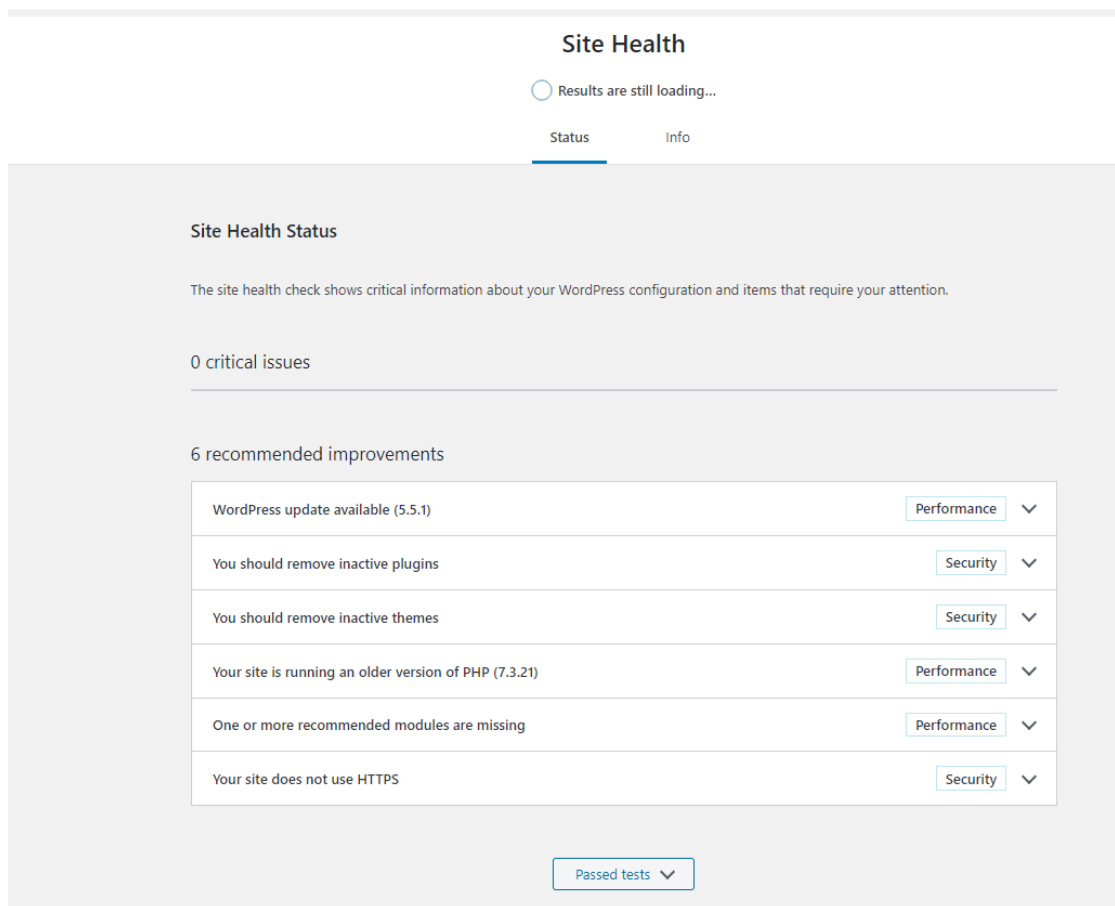
- WordPress: Có 2 Website WordPress, trong đó 1 Website mới và 1 Website cũ. Users thể đẩy các nội dung từ Website cũ sang Website mới



Hình 74. Giao diện export tools

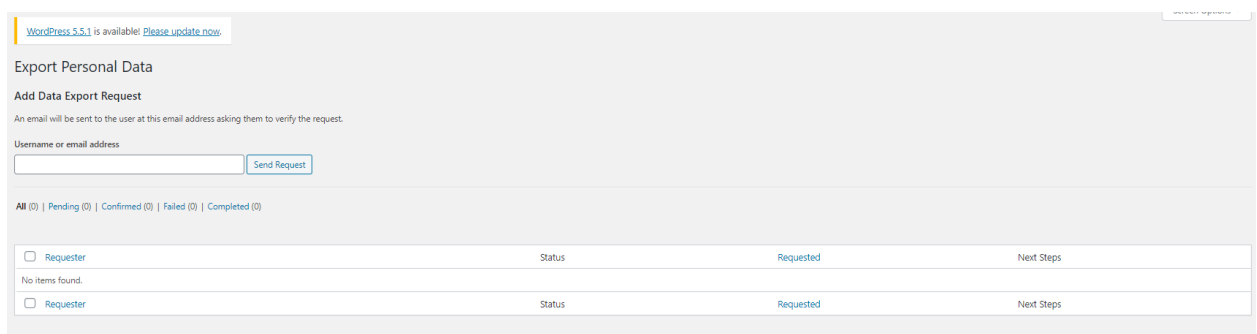
Export: Cài đặt xuất dữ liệu. WordPress lưu lại các bài viết, các trang, bình luận, các chuyên mục và thẻ Tags vào một tệp tin định dạng XML

- All Contents: Xuất toàn bộ nội dung liên quan tới Posts và Pages, Menus, Custom field và Custom post type.
- Posts: Xuất toàn bộ nội dung liên quan tới Posts.
- Pages: Xuất toàn bộ nội dung liên quan tới Pages.
- Media: Xuất toàn bộ nội dung liên quan tới Media.



Hình 75. Giao diện site health

Site health: Kiểm tra tình trạng trang web hiển thị thông tin quan trọng về cấu hình WordPress và các mục cần chú ý.



Hình 76. Export personal data

Export Personal data: Xuất dữ liệu cá nhân

Erase Personal Data

Add Data Erasure Request

An email will be sent to the user at this email address asking them to verify the request.

Username or email address

Send Request

All (0) | Pending (0) | Confirmed (0) | Failed (0) | Completed (0)

| | | | | |
|--------------------------|-----------|--------|-----------|------------|
| <input type="checkbox"/> | Requester | Status | Requested | Next Steps |
| No items found. | | | | |
| <input type="checkbox"/> | Requester | Status | Requested | Next Steps |

Hình 77. Giao diện erase personal data

Erase Personal data: Xóa dữ liệu cá nhân

Quản trị phần Settings (Cài đặt)

- Settings (cài đặt) là nơi thiết lập các cấu hình của website, nội dung hiển thị, nội dung soạn thảo, các đường dẫn và một số quyền riêng tư cá nhân cho website.

a) Settings -> General

The screenshot shows the 'General Settings' page in a WordPress dashboard. At the top, there is a notification bar for WordPress 5.5.2. The settings are organized into sections: General, Membership, and Date/Time. The 'General' section includes fields for Site Title, Tagline, WordPress Address (URL), Site Address (URL), Administration Email Address, Membership (Anyone can register), New User Default Role (Subscriber), Site Language (English (United States)), and Timezone (UTC+0). The 'Date Format' section shows radio buttons for various date formats, with 'Custom' selected and a preview of '30 October, 2020'. The 'Time Format' section shows radio buttons for various time formats, with '12:55 pm' selected and a preview of '12:55 pm'. The 'Week Starts On' section shows a dropdown menu set to 'Monday'. A 'Save Changes' button is at the bottom.

WordPress 5.5.2 is available! [Please update now.](#)

General Settings

Site Title:

Tagline:
In a few words, explain what this site is about.

WordPress Address (URL):

Site Address (URL):
Enter the address here if you [want your site home page to be different from your WordPress installation directory.](#)

Administration Email Address:
This address is used for admin purposes. If you change this, we will send you an email at your new address to confirm it. The new address will not become active until confirmed.

Membership: ☐ Anyone can register

New User Default Role:

Site Language:

Timezone:
Choose either a city in the same timezone as you or a UTC (Coordinated Universal Time) time offset.
Universal time is 2020-10-30 12:55:54.

Date Format: ☐ October 30, 2020 ☐ F j, Y ☐ Y-m-d ☐ 10/30/2020 ☐ m/d/Y ☐ 30/10/2020 ☐ d/m/Y ☒ Custom:
Preview: 30 October, 2020

Time Format: ☒ 12:55 pm ☐ g:i a ☐ 12:55 PM ☐ g:i A ☐ 12:55 ☐ H:i ☐ Custom:
Preview: 12:55 pm
[Documentation on date and time formatting.](#)

Week Starts On:

[Save Changes](#)

Hình 78. Giao diện trang cài đặt chung (General settings)

Trong đó:

+ **Site Title**: Tiêu đề hiển thị ở trang web

+ **Tagline**: Mô tả, một dạng slogan (khẩu hiệu) của trang web

WordPress Address (URL): Đường link địa chỉ nơi chứa các tệp và thư mục của website (trang quản trị, tệp media, plugins, themes...). Đặc biệt lưu ý, sau khi đổi, đường link địa chỉ sẽ thay đổi ở các bài viết và trang phụ của website

Site Address (URL): Địa chỉ trang web chủ công khai, nơi mà khách hàng sẽ nhập vào để truy cập trang web. Nếu đang cài website WordPress làm trang chủ thì đường dẫn khuyến dùng sẽ là giống với WordPress Address.

Email Address: Địa chỉ email của admin trang web. WordPress sẽ nhắn các thông báo quan trọng về trang web qua địa chỉ mail này.

Membership: Nếu chọn “Anyone can register” thì bất cứ người dùng (users) nào cũng có thể tự đăng ký tài khoản trên trang web tại:

<http://tên-miền/wp-login.php?action=register>.

New User Default Role: Thay đổi vai trò (chức năng, quyền hạn) của người tài khoản dùng mới (khuyến dùng nên để là Subscriber để không ảnh hưởng nếu người dùng muốn vọc phá website). Các tùy chọn vai trò của user mới gồm có:

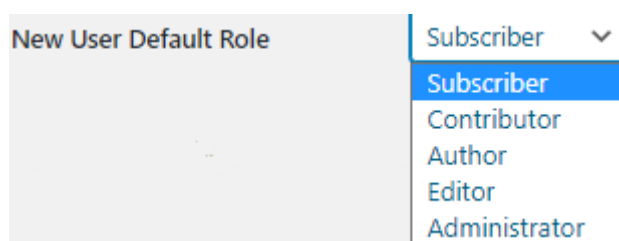
+ **Subscriber:** Nhóm ít quyền nhất, có thể đăng nhập vào trang WordPress, điền và chỉnh sửa thông tin profile, password cá nhân, xem các bài viết đã được đăng tải, không thể viết bài hay gì hơn.

+ **Contributor:** Người đóng góp, có thể thêm hoặc chỉnh sửa bài viết, nhưng sau khi làm, họ phải chờ được nhóm cao hơn (admin, editor) phê duyệt

+ **Author:** Có thể đăng tải, viết, chỉnh sửa và public bài viết của bản thân

+ **Editor:** Biên tập viên, có quyền kiểm soát tất cả nội dung trên website, tuy nhiên không có quyền thay đổi các settings cấu hình trên website/ thêm user mới.

+ **Administrator:** Nhóm có quyền cao nhất (Đối với trang không kích hoạt multisite), kiểm soát mọi hoạt động của trang web



Hình 79. Các phân quyền, chức năng cho user mới

+ **Site Language:** Ngôn ngữ được dùng trên website.

+ **Timezone:** Múi giờ cho website.

- + **Date Format:** Định dạng ngày tháng năm cho trang web.
 - + **Week Start On:** Thời điểm bắt đầu của một tuần ở trang web.
- ⇒ Sau khi thiết lập xong, bấm **Save Changes** để lưu

b) Settings -> Writing

WordPress 5.5.2 is available! [Please update now.](#)

Writing Settings

Default Post Category: Chưa được phân loại ▾

Default Post Format: Standard ▾

Post via email

To post to WordPress by email you must set up a secret email account with POP3 access. Any mail received at this address will be posted, so it's a good idea to keep this address very secret. Here are three random strings you could use: bPttawtY, 7D4z4n3r, 3p1xKp0.

Mail Server: mail.example.com Port: 110

Login Name: login@example.com

Password: password

Default Mail Category: Chưa được phân loại ▾

Update Services

When you publish a new post, WordPress automatically notifies the following site update services. For more about this, see [Update Services](#) on the Codex. Separate multiple service URLs with line breaks.

http://rpc.pingomatic.com/

[Save Changes](#)

Hình 80. Giao diện phần thiết lập viết cho website

Các thiết lập sẽ liên quan đến việc sản xuất và đăng tải nội dung trên website.

+ **Default Post Category:** Category mặc định sẽ chứa bài post nếu không chọn category khi đăng tải.

+ **Default Post Format:** Định dạng post mặc định nếu không chọn format cho bài đăng. Có thể chọn 1 trong các loại sau:

Default Post Format

- Standard ▾
- Standard
- Aside
- Chat
- Gallery
- Link
- Image
- Quote
- Status
- Video
- Audio

Hình 81. Lựa chọn mặc định bài viết

+ **Post via email:** Hỗ trợ đăng bài thông qua email.

- + **Mail server:** Địa chỉ mail của server.
- + **Login name:** Tài khoản email.
- + **Password:** Mật khẩu.
- + **Default Mail Category:** Danh mục mặc định chứa bài viết khi xuất bản qua email.
- + **Update Services:** Các dịch vụ ping mà WordPress sẽ tự động gửi tín hiệu ping khi có bài mới.

⇒ Sau khi thiết lập xong, bấm **Save Changes** để lưu

c) Settings -> Reading

Thiết lập thay đổi trực tiếp đến việc hiển thị nội dung trên trang web.

Reading Settings

Your homepage displays ☒ Your latest posts
☐ A [static page](#) (select below)

Homepage:

Posts page:

Blog pages show at most posts

Syndication feeds show the most recent items

For each post in a feed, include ☒ Full text
☐ Summary
Your theme determines how content is displayed in browsers. [Learn more about feeds.](#)

Search Engine Visibility ☐ Discourage search engines from indexing this site
It is up to search engines to honor this request.

Save Changes

Hình 82. Giao diện phần thiết lập đọc

- **Your homepage displays** – Thiết lập để trang hiển thị ở trang chủ:
 - **Your latest posts** – Hiển thị các bài viết mới nhất.
 - **A static page** – Lựa chọn trang hiển thị ở trang chủ với các tùy chọn:
 - **Homepage** – Lựa chọn trang (page) muốn hiển thị ở trang chủ trong danh sách.
 - **Posts Page** – Lựa chọn trang chứa các bài viết trong danh sách.
- **Blog pages show at most** – Số lượng bài viết tối đa được hiển thị trên mỗi trang. Giá trị mặc định là 10.
- **Syndication feeds show the most recent** – Người dùng có thể xem số lượng bài đăng khi họ tải xuống một trong các nguồn cấp dữ liệu trang web. Theo mặc định, nó được đặt là 10.
- **For each article in a feed, show** – Chọn kiểu hiển thị bài viết:
 - **Full Text** – Hiển thị toàn bộ bài viết
 - **Summary** – Hiển thị tóm tắt bài viết
- **Search Engine Visibility** – Nếu chọn ô *Discourage search engines from indexing this site*, nghĩa là ngăn chặn các công cụ tìm kiếm dẫn đến trang web này (thường được dùng khi trang web đang trong giai đoạn phát triển, chưa hoàn thành)

d) Settings -> Discussion

Cho phép thiết lập cấu hình chức năng bình luận

Discussion Settings

Default post settings

- ☒ Attempt to notify any blogs linked to from the post
- ☒ Allow link notifications from other blogs (pingbacks and trackbacks) on new posts
- ☒ Allow people to submit comments on new posts

(These settings may be overridden for individual posts.)

Other comment settings

- ☒ Comment author must fill out name and email
- ☐ Users must be registered and logged in to comment
- ☐ Automatically close comments on posts older than days
- ☒ Show comments cookies opt-in checkbox, allowing comment author cookies to be set
- ☒ Enable threaded (nested) comments levels deep
- ☐ Break comments into pages with top level comments per page and the page displayed by default

Comments should be displayed with the comments at the top of each page

Email me whenever

- ☒ Anyone posts a comment
- ☒ A comment is held for moderation

Before a comment appears

- ☐ Comment must be manually approved
- ☒ Comment author must have a previously approved comment

Comment Moderation

Hold a comment in the queue if it contains or more links. (A common characteristic of comment spam is a large number of hyperlinks.)

When a comment contains any of these words in its content, name, URL, email, or IP address, it will be held in the [moderation queue](#). One word or IP address per line. It will match inside words, so "press" will match "WordPress".

Comment Blocklist

When a comment contains any of these words in its content, name, URL, email, or IP address, it will be put in the Trash. One word or IP address per line. It will match inside words, so "press" will match "WordPress".

Avatars

An avatar is an image that follows you from weblog to weblog appearing beside your name when you comment on avatar enabled sites. Here you can enable the display of avatars for people who comment on your site.

Avatar Display


- ☒ Show Avatars

Maximum Rating

- ☒ G — Suitable for all audiences
- ☐ PG — Possibly offensive, usually for audiences 13 and above
- ☐ R — Intended for adult audiences above 17
- ☐ X — Even more mature than above

Default Avatar

For users without a custom avatar of their own, you can either display a generic logo or a generated one based on their email address.

- ☒  Mystery Person

Hình 83. Giao diện phần thiết lập bình luận

- **Default post settings:** Các tùy chọn mặc định cho mỗi bài viết.
 - **Attempt to notify any blogs linked to from the article:** Trỏ đến các website được gắn trong bài viết để họ đồng ý đặt đường link trở về website người dùng .
 - **Allow link notifications from other blogs (pingbacks and trackbacks):** Cho phép nhận thông báo pingbacks hoặc trackbacks từ một website khác.
 - **Allow people to post comments on new articles:** Cho phép người vào website có thể đăng bình luận ở các post/page mới.
- **Other comment settings:** Các thiết lập khác trong bình luận

- **Comment author must fill out name and e-mail:** Người gửi bình luận phải khai báo tên và địa chỉ email.
- **Users must be registered and logged in to comment:** Phải đăng nhập mới được phép gửi bình luận.
- **Automatically close comments on posts older than [14] days:** Cho phép tự đóng bình luận của post nếu nó quá [14] ngày.
- **Show comments cookies opt-in checkbox, allowing comment author cookies to be set:** Hiển thị hộp thoại báo cho người dùng trang web rằng website sẽ dùng cookies của người bình luận.
- **Enabled threaded (nested) comments [5] levels deep:** Cho phép phân thứ cấp bình luận và sử dụng [5] tầng thứ cấp (dùng cho Reply).
- **Break comments into pages with [50] top level comments per page and the last page displayed by default:** Tự phân trang của post/page nếu hơn [50] bình luận và hiển thị theo thứ tự trang đầu/trang cuối..
- **E-mail me whenever:** Thiết lập nhận e-mail thông báo.
 - **Anyone posts a comment:** Khi có ai đó gửi bình luận.
 - **A comments is held for moderation:** Khi có bình luận đang chờ duyệt.
- **Before a comment appears:** Trước khi bình luận được hiển thị lên.
 - **Comment must be manually approved:** Mỗi bình luận phải được chờ duyệt mới được hiển thị công khai.
 - **Comment author must have a previously approved comment:** Bình luận sẽ hiển thị nếu người gửi bình luận đã có một bình luận trước đó đã được duyệt.
- **Comment moderation:** Tự động đưa bình luận vào trạng thái chờ duyệt nếu bình luận đó chứa từ khóa, liên kết, email hoặc địa chỉ IP có trong danh sách này.
- **Comment Blacklist:** Các từ cấm bình luận. Mỗi từ cấm sẽ được đặt ở một dòng. Nếu bình luận chứa từ cấm thì sẽ bị đánh dấu là Spam.
- **Avatars:** Tùy chọn hiển thị ảnh avatar của người gửi bình luận.
 - **Avatar Display:** Hiển thị ảnh avatar ở bình luận.

- **Maximum Rating:** Phân loại avatar theo từng mức được phép hiển thị trên website.
- **Default Avatar:** Ảnh avatar mặc định nếu chưa thiết lập Gravatar.

⇒ Bấm **Save Changes** khi hoàn thành

e) Settings -> Media

Tác động đến chức năng upload tập tin media (hình ảnh/video/nhạc,...) lên nội dung.

Media Settings

Image sizes

The sizes listed below determine the maximum dimensions in pixels to use when adding an image to the Media Library.

| Size | Property | Value |
|----------------|---|-------|
| Thumbnail size | Width | 150 |
| | Height | 150 |
| | <input checked="" type="checkbox"/> Crop thumbnail to exact dimensions (normally thumbnails are proportional) | |
| Medium size | Max Width | 300 |
| | Max Height | 300 |
| Large size | Max Width | 1024 |
| | Max Height | 1024 |

Uploading Files

☒ Organize my uploads into month- and year-based folders

Save Changes

Hình 84. Giao diện phần thiết lập media

- **Image sizes:** Các thiết lập sẽ xác định kích thước mỗi khi có ảnh được upload lên từ thư viện ảnh.
- **Thumbnail size:** Kích thước ảnh loại thumbnail.
- **Crop thumbnail to exact dimensions.....:** Cắt ảnh thumbnail ra với kích thước.
- **Medium size:** Kích thước ảnh loại vừa.

- **Large size:** Kích thước ảnh loại lớn
- **Organize my uploads into month- and year-based folder:** Sắp xếp, đưa các tập tin được upload lên vào thư mục với cấu trúc ngày tháng so với thời gian upload.

f) Settings -> Permalinks

Permalink Settings

WordPress offers you the ability to create a custom URL structure for your permalinks and archives. Custom URL structures can improve the aesthetics, usability, and forward-compatibility of your links. A [number of tags are available](#), and here are some examples to get you started.

Common Settings

☐ Plain `http://localhost:82/wordpress/?p=123`

☒ Day and name `http://localhost:82/wordpress/2020/10/sample-post/`

☐ Month and name `http://localhost:82/wordpress/2020/10/sample-post/`

☐ Numeric `http://localhost:82/wordpress/archives/123`

☐ Post name `http://localhost:82/wordpress/sample-post/`

☐ Custom Structure `http://localhost:82/wordpress/` Available tags:

Optional

If you like, you may enter custom structures for your category and tag URLs here. For example, using `topics` as your category base would make your category links like `http://localhost:82/wordpress/topics/uncategorized/`. If you leave these blank the defaults will be used.

Category base

Tag base

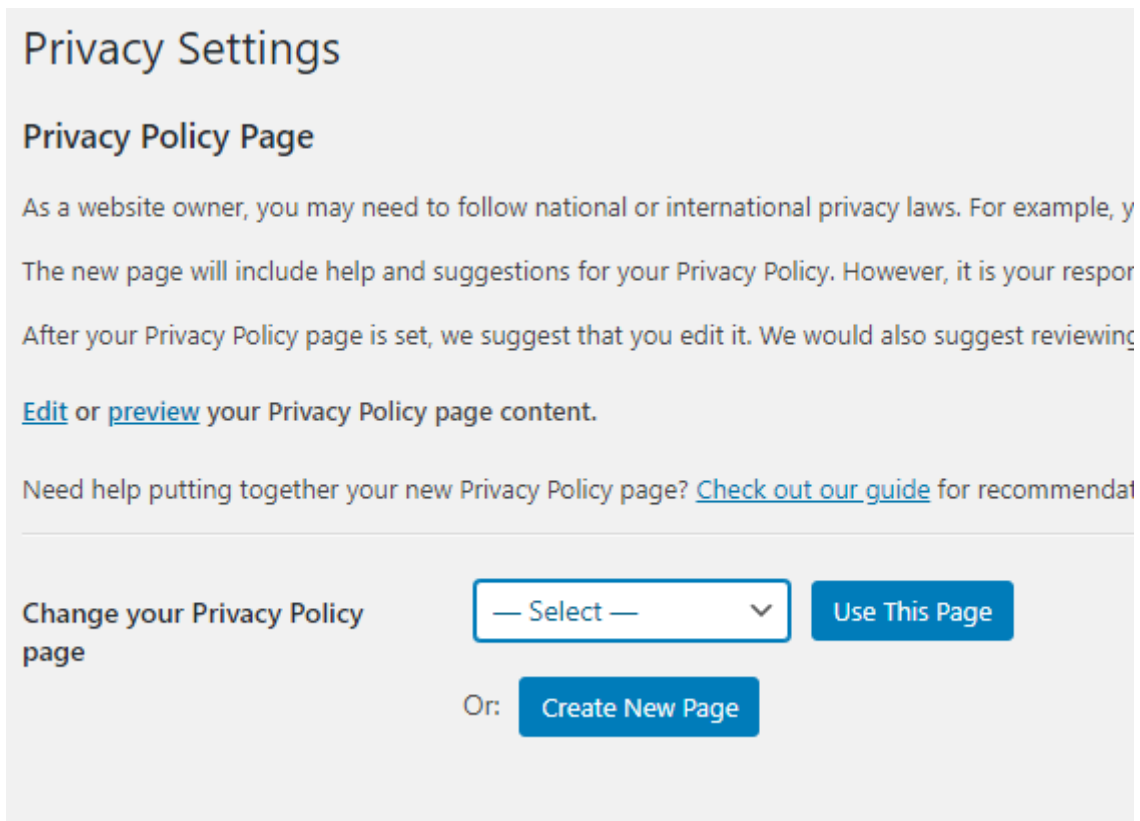
[Save Changes](#)

Hình 85. Giao diện phân thiết lập liên kết tĩnh

- **Common Settings:** Các thiết lập thông dụng.
 - **Default:** Cấu trúc đường dẫn mặc định (đường dẫn động).
 - **Day and name:** Đường dẫn hiển thị ngày tháng đăng post và tên post.
 - **Month and name:** Đường dẫn hiển thị tháng năm và tên post.
 - **Numeric:** Hiển thị ID của post thay vì tên.
 - **Post name:** Chỉ hiển thị tên post trên đường dẫn
 - **Custom Structure:** Tùy chỉnh đường dẫn tùy ý, cấu trúc tự chọn
- **Optional:** Các thiết lập tùy chọn không bắt buộc.
 - **Category base:** Tên đường dẫn mẹ của các đường dẫn tới trang con.
 - **Tag base:** Tên đường dẫn mẹ của đường dẫn tới các trang tag.

g) Settings -> Privacy

Ở phần này thì chỉ cần thiết lập chọn đến trang Privacy Policy của WordPress là được



Privacy Settings

Privacy Policy Page

As a website owner, you may need to follow national or international privacy laws. For example, y

The new page will include help and suggestions for your Privacy Policy. However, it is your respon

After your Privacy Policy page is set, we suggest that you edit it. We would also suggest reviewing

[Edit](#) or [preview](#) your Privacy Policy page content.

Need help putting together your new Privacy Policy page? [Check out our guide](#) for recommendat

Change your Privacy Policy page

— Select — ▼ [Use This Page](#)

Or: [Create New Page](#)

Hình 86. Thiết lập bảo mật của WordPress